

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY 28
CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2023

Số: 22/TB-CTCP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần 28.1

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần 28.1 trân trọng kính mời quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 – tại Công ty Cổ phần 28.1 với các nội dung như sau:

1. Thời gian: Bắt đầu từ **13h00, ngày 19 tháng 5 năm 2023** (thứ 6).

2. Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần 28.1, số 03 Nguyễn Oanh, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

3. Nội dung của đại hội:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.
- Báo cáo kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023.
- Báo cáo thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.
- Báo cáo thực hiện đầu tư 2022.
- Báo cáo thực hiện quỹ thù lao Hội đồng quản trị, BKS năm 2022, quyết toán quỹ thưởng HTKH, quỹ tiền lương và thu nhập khác của Ban điều hành năm 2022.
- Báo cáo thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022.
- Báo cáo hoạt động của BKS năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.
- Thông qua các tờ trình:
 - + Tờ trình sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty lần 3.
 - + Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.
 - + Tờ trình kế hoạch đầu tư năm 2023.
 - + Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2023.
 - + Tờ trình KH quỹ thù lao Hội đồng quản trị, BKS, quỹ tiền lương và thu nhập khác của Ban điều hành năm 2023.
 - + Tờ trình miễn nhiệm thành viên BKS và bầu bổ sung thành viên BKS.

4. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả cổ đông sở hữu cổ phiếu AG1 có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm 20/4/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.

5. Đăng ký tham dự Đại hội:

- Đề công tác tổ chức đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự theo mẫu gửi về Ban tổ chức. Trường hợp, Quý cổ đông không thể trực tiếp tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự, người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Cụ thể như sau:

+ Thời hạn đăng ký: Trước 16h, ngày **16/5/2023**.

+ Hình thức đăng ký: Chuyển phát nhanh qua bưu điện hoặc email, tin nhắn điện thoại.

* Địa chỉ: Công ty cổ phần 28.1, số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Gò Vấp, TP.HCM

* ĐT: 028.3894 1668/ 0903 912 556 A. Hùng; 0977 717 588 C.Hằng

* email: tranhung@agtex28-1.com/ hng@agtex28-1.com

- Quý Cổ đông khi đến tham dự Đại hội cần mang theo CMND/CCCD hoặc hộ chiếu (bản chính). Trường hợp cổ đông được ủy quyền đề nghị mang theo giấy ủy quyền (bản chính), CMND/ CCCD hoặc hộ chiếu (bản sao) của người ủy quyền.

6. Tài liệu dùng cho Đại hội: Tài liệu Đại hội và các mẫu đơn liên quan được đăng tải trên website của Công ty Cổ phần 28.1 tối thiểu trước 10 ngày trước ngày khai mạc đại hội: <http://www.agtex28-1.com/quanhcodong/>.

Thông báo này thay cho Giấy mời họp trong trường hợp Quý cổ đông có quyền dự Đại hội nhưng chưa nhận được giấy mời.

Trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BGD;
- Cổ đông;
- Lưu: VT, P.HCHC, Hg15.



Nguyễn Trường Sơn

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Thời gian từ 13h00 – 16h45 ngày 19/5/2023)

Stt	Thời gian	Nội dung	Thực hiện	Ghi chú
1	13h00-13h30	- Đón tiếp và Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội.	BTC	Lễ tân
2	13h30-14h00	- Khai mạc Đại hội (tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu). - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội. - Thông qua quy chế Đại hội. - Bầu đoàn chủ tịch, thư ký đại hội.	Ô. Hùng Ô. Học Ô. Hùng ”	Biểu quyết bằng giơ phiếu biểu quyết
3	14h00-15h00	- Đoàn Chủ tịch hứa hẹn và phân công - Thông qua chương trình làm việc của đại hội. - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022, kế hoạch hoạt động năm 2023. - Báo cáo kết quả SXKD 2022 và KH SXKD 2023. - Báo cáo thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán. - Báo cáo thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 - Báo cáo thực hiện đầu tư 2022 - Báo cáo thực hiện quỹ thù lao Hội đồng quản trị, BKS năm 2022, quyết toán quỹ thưởng HTKH, quỹ tiền lương và thu nhập khác của Ban điều hành năm 2022. - Báo cáo hoạt động của BKS năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.	Ô. Sơn ” ” Ô. Thoan ” ” ” ” Ô. Cường	
4	15h00-15h20	- Tờ trình sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty lần 3. - Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023. - Tờ trình kế hoạch đầu tư năm 2023. - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2023. - Tờ trình hạn mức vay năm 2023	Ô. Thoan ” ” ” ”	

Stt	Thời gian	Nội dung	Thực hiện	Ghi chú
		- Tờ trình KH quỹ thù lao Hội đồng quản trị, BKS, quỹ tiền lương và thu nhập khác của Ban điều hành năm 2023.	Ô. Thoan	
5	15h20-15h40	- ĐH thảo luận, thông qua các báo cáo, tờ trình của HĐQT năm 2023. - Đoàn Chủ tịch kết luận.	Ô. Sơn	Biểu quyết bằng giơ phiếu biểu quyết
6	15h40-16h10	- Thông qua đơn từ nhiệm thành viên BKS - Thông qua đơn ứng cử thành viên BKS - Thông qua tờ trình từ nhiệm, bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ II (2021-2026). - Thông qua quy chế bầu cử bổ sung thành viên BKS + Bầu ban kiểm phiếu. - Ban kiểm phiếu làm việc (Hứa hẹn, công khai thùng phiếu, phát phiếu) - Đại hội thực hiện bầu cử.	Ô. Thiện ” ” ” ” BKP Các cổ đông	Biểu quyết bằng giơ phiếu biểu quyết
7	16h10-16h20	Đại hội nghỉ giải lao		
8	16h20-16h30	- Công bố kết quả kiểm phiếu: + Ban kiểm phiếu công bố (Trưởng BKP đọc biên bản kiểm phiếu). - Thành viên BKS mới và các thành viên BKS ra mắt Đại hội (<i>Chủ tịch đoàn tặng hoa, chụp hình</i>)	Trưởng BKP Thành viên BKS mới, HĐQT, BKS	Biểu quyết bằng giơ phiếu biểu quyết
9	16h30-16h40	- Thông qua biên bản và nghị quyết ĐH.	Thư ký ĐH	Biểu quyết bằng giơ phiếu biểu quyết
10	16h40-16h45	- Bế mạc Đại hội	Ô. Hùng	

TP.HCM, ngày tháng 5 năm 2023

T/M. BAN TỔ CHỨC

Trần Doãn Thoan

Số: 03 /BC-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP 28.1;

Căn cứ kết quả bầu cử Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Căn cứ tình hình thực tế hoạt động năm 2022 của HĐQT Công ty CP 28.1;

Tôi xin thay mặt Hội đồng Quản trị báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2022 và định hướng nhiệm vụ năm 2023 như sau:

I. Hoạt động của HĐQT năm 2022

Danh sách thành viên HĐQT công ty năm 2022 như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HĐQT		
2	Nguyễn Quyết Thắng	Thành viên HĐQT		29/04/2022
3	Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT		29/04/2022
4	Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên HĐQT		29/04/2022
5	Vũ Sỹ Nam	Thành viên HĐQT		29/04/2022
6	Trần Doãn Thoan	Thành viên HĐQT	29/04/2022	
7	Nguyễn Thiện	Thành viên HĐQT	29/04/2022	

Năm 2022 là năm có nhiều biến động về nhân sự đối với Công ty Cổ phần 28.1. Do có sự thay đổi về nhân sự và có cấu hoạt động, ĐHĐCĐ thường niên đã bầu ra HĐQT mới gồm các thành viên sau:

Ông Nguyễn Trường Sơn: Chủ tịch

Ông Trần Doãn Thoan: Thành viên

Ông Nguyễn Thiện: Thành viên

Trong năm 2022, HĐQT đã chỉ đạo, định hướng chiến lược, điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng có nhiều khởi sắc.



Hội đồng quản trị Công ty đã hoạt động theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên Hội đồng quản trị, tổ chức họp Hội đồng quản trị định kỳ. Thực hiện giám sát và đánh giá theo từng quý để đảm bảo Ban điều hành thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc.

HDQT đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát các hoạt động của công ty như sau:

- Chủ trì và ra các nghị quyết bổ nhiệm, miễn nhiệm Ban Giám đốc, Thư ký Công ty theo sự sắp xếp luân chuyển cán bộ của công ty mẹ.
- Chỉ đạo thực hiện báo cáo thường niên năm và các Báo cáo tài chính năm 2022.
- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng thường niên năm 2022.
- Thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết mà HDQT đã ban hành.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 phiên họp.

Số lượng tham dự các cuộc họp như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch HDQT	8	100	
2	Nguyễn Quyết Thắng	Thành viên HDQT	2	25	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2022
3	Nguyễn Văn Tài	Thành viên HDQT	2	25	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2022
4	Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên HDQT	2	25	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2022
5	Vũ Sỹ Nam	Thành viên HDQT	2	25	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2022
6	Trần Doãn Thoan	Thành viên HDQT	7	87,5	Bỏ nhiệm từ ngày 29/04/2022
7	Nguyễn Thiện	Thành viên HDQT	7	87,5	Bỏ nhiệm từ ngày 29/04/2022

Nội dung các phiên họp, trao đổi tập trung vào những vấn đề sau:

1. Phiên họp lần thứ 1

a) Tổ chức ngày 25/02/2022

b) Nội dung:

- HĐQT thống nhất đề ông Nguyễn Vĩnh Long thôi giữ chức Giám đốc và đề cử Ông Trần Doãn Thoan thay giữ chức Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 từ ngày 01/3/2022

- HĐQT thống nhất đề ông Vũ Sỹ Nam thôi giữ chức Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch và đề cử Ông Nguyễn Thiện thay giữ chức Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Cổ phần 28.1 từ ngày 01/3/2022.

- HĐQT thống nhất đề bà Lê Mai Dung thôi giữ chức KTT kiêm Trưởng phòng TCKT và đề cử ông Tăng Hùng thay giữ chức KTT kiêm trưởng phòng TCKT Công ty Cổ phần 28.1 từ ngày 01/3/2022.

2. Phiên họp lần thứ 2

a) Tổ chức ngày 15/3/2022

b) Nội dung:

- Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD và nhiệm vụ trọng tâm quý 1/2022

- Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2 năm 2022

- Báo cáo Công tác bàn giao Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

- Báo cáo Công tác chuẩn bị đại hội cổ đông thường niên năm 2022

3. Phiên họp lần thứ 3

a) Tổ chức ngày 27/5/2022

b) Nội dung:

- Báo cáo Ước thực hiện kết quả SXKD tháng 5/2022

- Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD và nhiệm vụ trọng tâm quý 2/2022

- Báo cáo Công tác cán bộ và mô hình tổ chức

- Báo cáo Công tác đầu tư và quy hoạch mặt bằng

4. Phiên họp lần thứ 4

a) Tổ chức ngày 30/6/2022

b) Nội dung:

- Báo cáo Ước thực hiện kết quả SXKD quý 2/2022

- Báo cáo Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng đầu năm 2022



- Báo cáo Kế hoạch các chỉ tiêu SXKD và nhiệm vụ trọng tâm 9 tháng năm 2022

- Báo cáo Kế hoạch các chỉ tiêu SXKD quý 4 và cả năm 2022

5. Phiên họp lần thứ 5

a) Tổ chức ngày 26/8/2022

b) Nội dung:

- Báo cáo Ước thực hiện kết quả SXKD 8 tháng đầu năm, KH tháng 9

- Công tác đầu tư: Dự án đầu tư MMTB bổ sung năm 2022. Dự án quy hoạch kho NPL. Dự án cải tạo khuôn viên trước nhà ăn và phòng kỹ thuật.

6. Phiên họp lần thứ 6

a) Tổ chức ngày 22/9/2022

b) Nội dung:

- Báo cáo Ước thực hiện kết quả SXKD quý 3 và 9 tháng đầu năm 2022

- Báo cáo Kế hoạch SXKD quý 4, ước thực hiện cả năm 2022

- Dự kiến xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

7. Phiên họp lần thứ 7

a) Tổ chức ngày 25/10/2022

b) Nội dung:

- Báo cáo Ước thực hiện kết quả SXKD tháng 10

- Báo cáo Kế hoạch tháng 11 năm 2022.

- Báo cáo Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.

- Báo cáo Công tác cán bộ, đầu tư, thưởng cuối năm

8. Phiên họp lần thứ 8

a) Tổ chức ngày 25/11/2022

b) Nội dung:

- Báo cáo Ước thực hiện kết quả SXKD tháng 11

- Báo cáo Kế hoạch tháng 12 năm 2022.

- Báo cáo Kế hoạch năm 2023.

- Báo cáo Kết quả khắc phục một số tồn tại theo báo cáo giám sát tài chính đặc biệt.

- Báo cáo Lương, thưởng cuối năm.

- Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: *Không có*

- Đào tạo về quản trị Công ty: *Không có*

II. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2023

Năm 2023, trong bối cảnh tình hình thế giới còn diễn biến nhiều phức tạp, Thị trường thế giới biến động chưa có dự báo chính xác, tuy nhiên dấu hiệu suy giảm nhu cầu bắt đầu rõ nét từ quý IV/2022, chu kỳ tồn kho kéo dài có thể ảnh hưởng tới các đơn hàng của năm 2023 đặc biệt thị trường Châu Âu và Anh suy giảm mạnh, thị trường Mỹ cũng có dấu hiệu suy giảm nhu cầu bằng việc dời giao hàng từ một vài nhánh hàng xuất Mỹ đã ảnh hưởng trực tiếp đến khách hàng, nguồn hàng của Công ty. Ngoài ra Chi phí nguyên phụ liệu đầu vào tăng giá do tỷ giá USD tăng mạnh, giá FOB có xu hướng giảm do thị trường đi xuống. Công tác tuyển dụng và giữ chân lao động trực tiếp sản xuất vẫn gặp nhiều khó khăn. Lương cơ bản dự kiến tăng, chi phí ăn ca, thuê đất và các chi phí sản xuất khác cũng có xu hướng tăng mạnh trong năm 2023. HĐQT dự kiến đề ra kế hoạch hoạt động trong năm 2023 như sau:

- Tăng cường công tác dự báo, định hướng nguồn hàng, khách hàng để đảm bảo ổn định sản xuất của Công ty. Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của Công ty để đảm bảo sự phát triển bền vững. Tập trung chính vào thực hiện chức năng giám sát của Công ty theo định hướng chiến lược hoạt động SXKD của Công ty. Đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của ĐHCĐ Công ty. Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 được ĐHCĐ thường niên thông qua.

- Để đảm bảo sự phát triển bền vững: HĐQT sẽ áp dụng công nghệ tin học vào quản lý của Công ty, tối ưu hóa quy trình sản xuất, quản lý tài chính, quản lý nhân sự và quản lý khách hàng. Trong quy trình sản xuất: Tối ưu hóa lịch trình sản xuất và giảm thiểu thời gian chờ đợi giữa các công đoạn. Trong quản lý tài chính: Theo dõi các chỉ tiêu tài chính của công ty như doanh thu, lợi nhuận và dòng tiền để đưa ra các quyết định kinh doanh chính xác, kịp thời. Trong quản lý nhân sự: Tối ưu hóa quy trình tuyển dụng, quản lý hồ sơ người lao động, phát triển nghề nghiệp, quản lý các chương trình đào tạo, giảm thiểu thời gian xử lý các vấn đề liên quan đến nhân sự. Trong quản lý khách hàng: Quản lý dữ liệu khách hàng, xây dựng các chiến lược thu hút khách hàng mới và tăng cường mối quan hệ với khách hàng hiện tại, theo dõi và phản hồi nhanh chóng các yêu cầu của khách hàng. Với việc áp dụng công nghệ tin học vào quản lý, công ty sẽ tăng cường sức mạnh cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động và đạt được sự phát triển bền vững.

- Định kỳ tổ chức các phiên họp tối thiểu 3 tháng một lần, tổ chức các cuộc họp bất thường (nếu có) để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT. HĐQT sẽ nghe báo cáo tổng quát về việc thực hiện các nhiệm vụ, ý kiến đề xuất của Công ty, thảo luận và quyết định thông qua các biện pháp, giải quyết các vấn đề phát sinh của Công ty.

- Trên cơ sở Quyết nghị của ĐHCĐ, HĐQT sẽ tiếp tục cụ thể hoá Nghị quyết thành các mục tiêu, kế hoạch theo quý, theo 6 tháng, đồng thời, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2023.

Năm 2023, chúng ta sẽ đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức trong kinh doanh do biến động kinh tế thế giới, tuy nhiên Hội đồng quản trị sẽ tập trung nỗ lực cùng Ban giám đốc Công ty và người lao động, tận dụng mọi cơ hội và vượt

qua mọi thách thức để đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty và thực hiện thành công các chỉ tiêu được đặt ra tại Đại hội đồng cổ đông. Chúng tôi luôn hiểu rõ vai trò và trách nhiệm của mình, chúng tôi sẽ không ngừng nỗ lực để nâng cao chất lượng quản trị, tăng cường công tác dự báo, định hướng nguồn hàng, khách hàng để đảm bảo ổn định sản xuất của Công ty. Đồng thời, chúng tôi cũng sẽ áp dụng công nghệ tin học vào quản lý để thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty trong thời gian tới. Bên cạnh đó, chúng tôi rất mong được sự tin tưởng, sự gắn bó và sự đồng thuận từ Quý cổ đông trong các hoạt động của Công ty. Với tinh thần đoàn kết, sự cố gắng và sự chuyên nghiệp, chúng ta sẽ đạt được thành công trong năm 2023 và các năm tới.

Trân trọng gửi tới toàn thể Quý cổ đông lời chúc sức khỏe và thành công!

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
28.1
Q.GOVAP - TP HỒ CHÍ MINH



Nguyễn Trường Sơn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022 và
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty cổ phần 28.1 thông qua;

Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 và tình hình thực tế của Công ty cũng như tình hình dự báo về thị trường, các yếu tố kinh tế vĩ mô và vi mô trong năm 2023;

Công ty cổ phần 28.1 báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

Phần thứ nhất

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi

Năm 2022 Công ty thực hiện xây dựng đơn vị điềm về công tác cán bộ, tạo chuyển biến tích cực về công tác quản trị, ổn định về nguồn hàng truyền thống trong xưởng, từng bước tìm kiếm và phát triển nguồn hàng cho các xưởng gia công ngoài.

Tình hình tư tưởng cán bộ, công nhân viên, người lao động trong đơn vị ổn định, yên tâm công tác.

Bên cạnh đó, Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, Chỉ huy Tổng Công ty 28 về định hướng chiến lược, điều hành sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ và cả về vật chất lẫn tinh thần. Kết quả, Công ty cổ phần 28.1 đã hoàn thành tốt kế hoạch năm 2022, tạo đủ việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động đến hết quý I/2023.

2. Khó khăn

Tình hình khó khăn sau 2 năm dịch để lại, gây nhiều bất lợi cho công ty trong công tác tài chính, huy động vốn (lỗ lũy kế năm 2021 là 22.085.913.375 đồng), công ty bị giám sát đặc biệt về tài chính, kèm theo đó là các tồn đọng về NPL của các đơn hàng bị huỷ do dịch Covid-19 cần phải xử lý.

Tình hình lao động có giai đoạn biến động bao gồm cả khối lao động trực tiếp và lao động chuyên môn nghiệp vụ, quy mô công ty giảm sâu ảnh hưởng trực tiếp tới năng suất và chất lượng thành phẩm.

Nguồn hàng ổn định nhưng nhỏ lẻ, chất liệu đa dạng, phức tạp.



Các mặt hàng sản xuất đặc thù rất khó triển khai gia công ngoài, chỉ tiêu gia công ngoài xây dựng quá thách thức so với tình hình thực tế, chưa tìm kiếm được xưởng gia công ngoài hợp tác phát triển lâu dài.

Tình hình chính trị, kinh tế thế giới về cuối năm có nhiều bất ổn, căng thẳng dẫn đến nguồn hàng bị ngưng trệ cục bộ cả đầu vào và đầu ra.

II. Kết quả thực hiện năm 2022

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế

- **Doanh thu và thu nhập khác:** 266.920.509.170 đồng đạt 106,43% kế hoạch năm và bằng 189,72% cùng kỳ năm trước.

+ Doanh thu bán hàng : 260.336.362.203 đồng đạt 105,67 % kế hoạch năm và bằng 192,92% cùng kỳ năm trước.

+ Doanh thu cho thuê kho: 2.275.079.167 đồng đạt 70,16 % kế hoạch năm và bằng 113,39 % cùng kỳ năm trước.

+ Doanh thu hoạt động tài chính : 3.992.537.978 đồng đạt 362,96 % kế hoạch năm và bằng 758,33% cùng kỳ năm trước. Trong đó từ chênh lệch tỷ giá 3.990.029.558 đồng, cùng kỳ năm trước 525.334.720 đồng.

+ Doanh thu hoạt động khác : 316.529.822 đồng đạt 316,53 % kế hoạch năm và bằng 50,61% cùng kỳ năm trước. Trong đó từ khách hàng hỗ trợ 210.789.081 đồng.

- **Tổng chi phí:** 254.134.192.418 đồng đạt 101,35% kế hoạch năm và bằng 165,34% cùng kỳ năm trước. Trong đó

+ Giá vốn hàng bán: 224.070.139.698 đồng đạt 97,8% kế hoạch năm và bằng 168,13% cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí quản lý: 23.060.330.011 đồng đạt 124,19% kế hoạch năm và bằng 137,72% cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí bán hàng: 2.944.018.382 đồng đạt 164,78% kế hoạch năm và bằng 149,16% cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí tài chính: 4.059.680.148 đồng đạt 338,31 % kế hoạch năm và bằng 238,56% cùng kỳ năm trước. Trong đó từ chênh lệch tỷ giá 3.198.176.868 đồng, cùng kỳ năm trước 136.737.261 đồng; chi phí lãi vay 861.503.281 đồng, cùng kỳ năm trước 1.564.987.724 đồng.

+ Chi phí khác: 24.179 đồng đạt 0,03% kế hoạch năm và bằng 0,17% cùng kỳ năm trước.

- **Lợi nhuận trước thuế:** 12.786.316.752 đồng đạt 25.572,63% kế hoạch năm và 198,22 % cùng kỳ năm trước. Trong đó:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: 11.143.164.385 đồng đạt 746,73% kế hoạch năm và 181,51% cùng kỳ năm trước.

+ Hoạt động cho thuê: 1.393.788.894 đồng đạt 74,81% kế hoạch năm và bằng 103,41% cùng kỳ năm trước.

+ Hoạt động tài chính: -67.142.170 đồng đạt 67,14% kế hoạch năm và bằng 5,71% cùng kỳ năm trước.

+ Hoạt động khác: 316.505.343 đồng đạt 3.165,06% kế hoạch năm và bằng 51,79% cùng kỳ năm trước.

- **Các khoản thu nộp:** 10.235.359.095 đồng đạt 98,77% kế hoạch năm và bằng 93,72% cùng kỳ năm trước. Trong đó số phải nộp đầu kì 1.058.198.519 đồng, số phải nộp trong kì 10.235.359.095 đồng, số đã nộp trong kì 10.969.423.283 đồng, còn phải nộp 324.134.331 đồng (Trong đó 276.729.000 KPCĐ nộp hệ thống tài chính quân đội; 47.405.331 thuế TNCN nộp ngân sách nhà nước).

- **Thu nhập bình quân:** 11.131.257 đồng/người/tháng đạt 118,34% kế hoạch năm và bằng 134,05% cùng kỳ năm trước, trong đó từ lương 10.104.983 đồng/người/tháng đạt 125,89% kế hoạch năm và bằng 165,45% cùng kỳ năm trước, từ thu nhập khác 1.026.274 đồng đạt 74,42% kế hoạch năm và bằng 49,26% cùng kỳ năm trước.

- **Giá trị gia công chế biến:** 76.885.406.285 đồng đạt 94,34% kế hoạch năm và bằng 147,6% cùng kỳ năm trước, bao gồm:

+ Từ sản xuất trong xưởng: 69.117.897.191 triệu đồng đạt 112,93% kế hoạch năm và bằng 150,93% cùng kỳ năm trước.

+ Từ hoạt động gia công: 7.767.509.094 triệu đồng đạt 38,27% kế hoạch năm và bằng 123,38 cùng kỳ năm trước.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

2.2 Công tác nguồn hàng, khách hàng

Công ty đã tích cực kết nối và hợp tác với các khách hàng chính là Lever Style, Oktava và một số khách hàng bổ trợ như: APG, Dubai, K&G, Kowil, Belluni để ổn định nguồn hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra vẫn duy trì mối quan hệ với các khách hàng cũ là UK, IPU và phát triển một số khách hàng mới để dự phòng trong trường hợp gặp khó khăn về nguồn hàng. Tỷ trọng hàng FOB chiếm 85%, Hàng CM chiếm 15%

Trong 9 tháng đầu năm, Công ty đã tìm và xác nhận chi tiết đủ nguồn hàng truyền thống để duy trì, ổn định sản xuất trong xưởng, tổng số hàng đã xác nhận đủ sản xuất đến hết quý I/2023.

Nguồn hàng gia công ngoài đã xác nhận đến hết tháng 5/2023, bình quân 10.000 quần/tháng, đã tìm kiếm xưởng gia công ngoài để đào tạo, tiến tới bao tiêu nguồn hàng để mở rộng năng lực, tích cực phát triển gia công ngoài và đa dạng mặt hàng gia công.

Đã tích cực làm việc với khách hàng xuất khẩu và nội địa để lựa chọn các mặt hàng phù hợp, trị giá cao cũng như đánh giá các mặt hàng phù hợp sau khi chọn xưởng gia công ngoài.

Các phòng chức năng đã chủ động, thường xuyên làm việc, đàm phán với khách hàng về kế hoạch sản xuất và thời gian giao hàng đặc biệt các đơn hàng có tính chất mùa vụ cao.

2.2. Công tác kế hoạch, kinh doanh

Công tác kế hoạch luôn bám sát các chỉ tiêu kế hoạch tháng, quý, năm để điều hành và giao mục tiêu cho từng bộ phận cụ thể. Qua đó, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và cả năm đã đạt được mục tiêu đề ra.

Tích cực tìm kiếm đối tác để hợp tác kinh doanh theo hướng Công ty hỗ trợ về nguồn hàng, MMTB và công nghệ kỹ thuật, còn đối tác có sẵn cơ sở hạ tầng như nhà xưởng, MMTB cơ bản, lao động; Bước đầu đã tìm kiếm được một số đối tác nhưng việc hợp tác chưa thực sự thành công, cần tiếp tục tập trung để đẩy mạnh trong năm 2023.

Phối hợp với Công ty Kinh doanh Thời trang để triển khai các đơn hàng đồng phục, xây dựng chuỗi kết nối tạo tiền đề để đẩy mạnh kinh doanh thương mại trong năm 2023

Đã sắp xếp, qui hoạch lại mặt bằng tổng thể toàn công ty để tận dụng cho kinh doanh thuê kho bãi để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Phòng kế hoạch và phòng kỹ thuật đã phối hợp tốt để phát triển mẫu sản phẩm cũng như triển khai công tác gia công ngoài. Trong năm 2022, mặc dù tính chất mặt hàng khó may, khó tìm kiếm xưởng gia công nhưng công tác gia công ngoài đã triển khai tại 7 xưởng, tập trung vào các mặt hàng Jile, quần tây, quần thời trang.

Tổ chức quản lý chặt chẽ công tác đặt và sử dụng NPL trong quá trình sản xuất, thường xuyên làm tốt công tác đối chiếu giữa sổ sách kế toán và thực tế tồn kho, quản lý chặt chẽ hàng tồn kho, không để xảy ra thừa thiếu và mất phẩm chất.

Công tác xuất nhập khẩu, khai báo, quyết toán hải quan thực hiện đúng quy định, phục vụ kịp thời cho sản xuất.

2.3. Công tác cung ứng

Các phòng chức năng phối hợp thường xuyên làm tốt công tác cung ứng NPL, MMTB phục vụ kịp thời và có hiệu quả cho SXKD của công ty, định kỳ tổ chức đánh giá nhà cung ứng để sàng lọc các nhà cung cấp năng lực yếu, tìm kiếm các đối tác mới cạnh tranh về giá và chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Đã triển khai xây dựng định mức dự trữ các NPL, vật tư phụ tùng thường xuyên sử dụng để đáp ứng tức thời khi có nhu cầu phát sinh.

Công tác cân đối luôn theo sát các đơn hàng, các nhà cung cấp để kịp thời đôn đốc đồng bộ NPL, đặc biệt có những thời điểm cảng bên Trung Quốc bị phong tỏa do Covid.

Các đơn vị luôn phối hợp tốt, kịp thời giải quyết tất cả các phát sinh liên quan đến tình trạng số lượng và chất lượng NPL để đảm bảo phục vụ sản xuất liên tục.

Thường xuyên rà soát tình hình sản xuất, đưa ra những dự báo chính xác để có các phương án khắc phục tình trạng khó khăn của phân xưởng cắt tại những thời điểm các chuyên đồng loạt vào hàng nhỏ lẻ, sọc, caro, vải nhung, vải co giãn..., luôn đảm bảo cung ứng đủ bán thành phẩm cho xưởng may.

2.4. Công tác kỹ thuật, quản lý sản xuất

Công tác kỹ thuật luôn đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất, từ công tác may mẫu, tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn chuyên, sơ đồ, rập mẫu, cũ cuốn; máy móc thiết bị và kiểm soát chất lượng. Giữ ổn định cho cả sản xuất trong xưởng và gia công ngoài, đặc biệt có những thời điểm gia công tại 4 đơn vị cùng lúc.

Đảm bảo tốt công tác may mẫu hàng quân trang mới, mẫu hội thi, mẫu hàng khách theo chỉ lệnh của Tổng công ty.

Công tác quản lý chất lượng: kiểm soát chất lượng NPL đầu vào và chất lượng thành phẩm thực hiện theo đúng qui trình từ cấp phát, cắt, ép keo, may, hoàn tất theo đúng các tiêu chuẩn của khách hàng, tỉ lệ hàng lỗi, tái chế thấp dưới 5%.

Công ty đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành công tác tổ chức sản xuất, công tác quản lý hết sức linh hoạt, đặc biệt trong giai đoạn các cảng tại Trung Quốc bị phong tỏa ảnh hưởng tới đồng bộ nguyên phụ liệu.

Công tác quản lý sản xuất luôn bám sát tiến độ, năng suất của phân xưởng, tổ chức sắp xếp sản xuất đảm bảo tiến độ giao hàng; đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của khách hàng, nhất là các mặt hàng chất liệu đặc biệt như vải nhung, thun.

Đã sắp xếp, bố trí lại các chuyên sản xuất phù hợp với tình hình biến động lao động và MMTB hiện có.

2.5. Công tác quản lý tài chính

Công tác quản trị tài chính kế toán đã được chuẩn hóa theo chuẩn mực của ngành và áp dụng thành công các bài toán quản lý trong quá trình xây dựng “Đơn vị quản lý tài chính tốt”. Việc ứng dụng tin học trong công tác quản lý điều hành luôn được cải tiến, đã nâng tính chuyên nghiệp và chất lượng công tác quản lý điều hành của Công ty, đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh. Các đơn vị trong Công ty đã xây dựng và tiêu chuẩn hóa sổ sách, chứng từ ghi chép ban đầu, đảm bảo tính pháp lý về hạch toán và tổng hợp thông tin báo cáo thống kê trong nội bộ doanh nghiệp luôn chấp hành tốt, đúng các chế độ chính sách về quản lý tài chính, kế toán thống kê. Thường xuyên cập nhật các chính sách chế độ mới, thực hiện hạch toán kế toán theo đúng các chuẩn mực kế toán đã ban hành. Thực hiện tốt đủ đầy đủ, đúng tiến độ các nghĩa vụ đối với quân đội, nhà nước về nộp ngân sách năm sau cao hơn năm trước. Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm Luật Doanh nghiệp, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật thuế; Điều lệ công tác tài chính QĐND Việt Nam. Chấp hành đầy đủ các chính sách, chế độ, quy định của Nhà nước và Quân đội về công tác tài chính đối với doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2022: Vốn chủ sở hữu 40.469.520.996 đồng, vốn góp chủ sở hữu 48.633.860.000 đồng (trong đó vốn đầu tư ban đầu của TCT là 31.612.010.000 đồng).

Quỹ đầu tư phát triển: 1.135.257.619 đồng

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: - 9.299.596.623 đồng

Tổng giá trị tồn kho: 90.138.303.318 đồng.

Công ty đã giảm giá trị dự phòng trong kì: 695.871.642 đồng, cụ thể như sau: Nguyên liệu giảm 346.525.771 đồng; Phụ liệu giảm: 78.708.601 đồng; Thành phẩm giảm: 270.637.270 đồng.

Tổng nợ phải thu 13.434.249.825 đồng, gồm phải thu ngắn hạn: 13.424.249.285 đồng chiếm 99,93% tổng nợ phải thu, trong đó chủ yếu là phải thu khách hàng ngắn hạn: 12.474.359.910 đồng, phải thu khách hàng dài hạn: 10.000.000 đồng chiếm 0,07% tổng nợ phải thu (tiền đặt cọc cho Công ty CP Tập đoàn Mai Linh: 10.000.000 đồng);

Tổng nợ phải trả: 90.576.205.897 đồng trong đó phải trả khách hàng 63.997.202.134 đồng chiếm 70,66% trên tổng nợ, vay Ngân hàng 17.903.188.493 đồng chiếm 19,77% trên tổng nợ, còn lại chủ yếu là các khoản phải trả người lao động, phải trả khác.

Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn (TSNH/Nợ NH) : 1,25 lần (quy định bằng hoặc lớn hơn 1).

Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu : 2,24 lần (quy định không quá 3 lần)

Giá trị tổng tài sản dài hạn tại thời điểm 31/12/2022 là 18.062.651.758 đồng trong đó giá trị tài sản cố định 17.220.745.917 đồng; chi phí trả trước dài hạn 831.095.841 đồng (tiếp tục phân bổ cho năm 2022 và các năm sau).

Quản trị hàng tồn kho: thực hiện ghi nhận giá xuất kho theo giá bình quân gia quyền, giá nhập kho theo giá gốc. Thực hiện kê toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Định kỳ 6 tháng kiểm kê 1 lần, có biên bản kiểm kê đánh giá chất lượng hàng tồn kho, đánh giá phân loại phẩm cấp chất lượng hàng tồn kho. Rà soát hàng tồn kho hàng tháng để có biện pháp xử lý kịp thời.

Công tác quản lý nợ: Thực hiện nghiêm quy chế quản lý nợ phải thu của Tổng Công ty và quy định quản lý nợ, xử lý nợ của Công ty đã ban hành. Quản lý, theo dõi và phản ánh chính xác, kịp thời tình hình công nợ phải thu, phải trả chi tiết theo thời hạn nợ, tuổi nợ bình quân... đối với từng khách hàng. Thường xuyên đôn đốc thu hồi công nợ kịp thời nhằm đảm bảo vốn cho hoạt động kinh doanh và đề xuất thanh toán hợp lý các khoản phải trả cho khách hàng. Không để phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi, nợ quá hạn kéo dài, đảm bảo tuyệt đối an toàn tài chính. Duy trì nghiêm túc và thường xuyên công tác đối chiếu và xác nhận công nợ.

2.6. Công tác quản trị và đầu tư

Duy trì nghiêm công tác quản trị các mặt hoạt động SXKD theo qui chế của Công ty và qui định của pháp luật.

Triển khai công tác bàn giao các chức danh Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng đúng qui định.

Triển khai phần mềm quản lý sản xuất để khắc phục những tồn tại và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Tập trung giải quyết các tồn đọng về công nợ, tồn kho, hải quan của các đơn hàng bị huỷ từ năm trước. Hết năm 2022 cơ bản giải quyết xong tồn kho 5,7 tỷ và thu hồi đủ phần công nợ khó đòi chưa trích lập dự phòng.

Công tác đầu tư mua sắm tài sản cố định theo kế hoạch, tổng giá trị đầu tư theo kế hoạch 350.000.000 đồng, giá trị đã tiến hành đầu tư và đã hình thành tài sản đưa vào sử dụng 3.376.516.926 đồng (02 máy quán chân nút tự động Ascolite, 1 xe nâng điện, 1 máy cắt tự động), đạt 964,72% kế hoạch.

2.7. Công tác quản lý lao động, tiền lương, chế độ chính sách, tuyển dụng, đào tạo lao động

Đã triển khai rà soát lại định biên, sắp xếp phân công bổ sung nhiệm vụ các vị trí gián tiếp để cân đối với tỷ lệ công nhân trực tiếp

Điều chỉnh phương án lương 6 tháng cuối năm phù hợp với tình hình SXKD thực tế của đơn vị.

Đã chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo và giữ chân người lao động, tích cực liên hệ với các trung tâm giới thiệu việc làm, tìm hiểu thông tin từ các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn, rà soát và điều chỉnh các chính sách tuyển dụng phù hợp với thực tế. Tích cực phối hợp với các Trường Cao đẳng, Đại học trên địa bàn để tổ chức cho sinh viên thực tập, góp phần bổ sung lao động thiếu hụt hàng ngày. Năm 2022 tổng số lao động ít biến động, tuy nhiên tổng lao động bình quân đến hết năm 2022 chỉ 436 lao động, quy mô giảm, thiếu hụt lao động ảnh hưởng đến năng suất trong xưởng.

Luôn đảm bảo thời gian trả lương sớm cho người lao động, thực hiện đầy đủ, chính xác các chế độ, chính sách theo qui định; Tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ mát vui vẻ, an toàn; Làm việc với chính quyền địa phương để hỗ trợ tiền thuê nhà trọ cho công nhân.

Tổ chức đào tạo thường xuyên cho công nhân mới, công nhân có tay nghề chưa tốt, đào tạo thao tác chuẩn cho sản phẩm truyền thống; tổ chức kỳ thi nâng bậc và nâng lương cho công nhân trực tiếp sản xuất để giữ chân các thợ bậc cao; đào tạo nâng cao chuyên môn cho lao động sử dụng máy chuyên dùng, máy tự động; đào tạo tiếng anh cho đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên trách.

2.8 Công tác Đảng, công tác chính trị và công tác hành chính hậu cần và an toàn đơn vị

a) Công tác Đảng, công tác chính trị

Công ty luôn bám sát kế hoạch CTĐ, CTCT năm 2022 của Tổng công ty, đã triển khai tổ chức thực hiện toàn diện các hoạt động CTĐ, CTCT, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2022.

Đã triển khai rà soát, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ theo kế hoạch đơn vị điềm về công tác cán bộ, kết quả đã kiện toàn đội ngũ cán bộ đủ năng lực quản lý, đáp ứng được nhu cầu trước mắt và trung hạn.

Tổ chức thành công ĐH chi bộ NK 2022-2025 cho các chi bộ trực thuộc.

Phối hợp với TCT, tổ chức thành công hội thi thợ giỏi toàn quân ngành may, tạo tiếng vang nhất định trong Tổng cục về hình ảnh Tổng công ty 28 và Công ty cổ phần 28.1 với các đơn vị dệt may trong toàn quân.

Tích cực triển khai các phong trào thi đua tăng năng suất góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

Thường xuyên nắm bắt tư tưởng, động viên, giải quyết vướng mắc kịp thời để người lao động yên tâm công tác và gắn bó với công ty.

Tổ chức tặng quà cho các cháu học sinh giỏi, quà trung thu cho các cháu thiếu nhi, tuyên dương gương lao động giỏi, lao động tiên tiến.

Phát triển và kết nạp 2 đoàn viên ưu tú vào Đảng.

b) Công tác Hành chính hậu cần và an toàn đơn vị

Duy trì nghiêm và thực hiện tốt công tác bảo vệ, tuần tra đảm bảo đơn vị an toàn tuyệt đối về người và tài sản.

Đảm bảo công tác hành chính hậu cần: Quân y, an toàn thực phẩm, công tác văn thư lưu trữ; tuyệt đối không để xảy ra mất an toàn ảnh hưởng đến công tác quản lý và sản xuất của Công ty.

Đã phối hợp tốt với các đơn vị thực hiện các đợt đánh giá nhà máy đặc biệt đã đánh giá tái chứng nhận chứng chỉ Better Work phục vụ cho các đơn hàng xuất khẩu.

Công tác hành chính hậu cần được đảm bảo: Bữa ăn ca được cải thiện bảo đảm an toàn thực phẩm, môi trường làm việc xanh, sạch, hiện đại.

Khuôn viên nhà xưởng được cải tạo, thực hiện bảo dưỡng duy tu MMTB, lò hơi, khí nén, các thiết bị nghiêm ngặt đúng định kỳ, nội quy kỷ luật lao động được duy trì tốt.

Đơn vị an toàn tuyệt đối về người và tài sản.

2.9 Kết quả khắc phục một số tồn tại theo báo cáo giám sát tài chính đặc biệt:

2.8.1 Nợ khó đòi

Công ty Nahy: Tổng nợ 273.504.000 đồng, đã thanh toán 80.000.000 đồng, còn nợ 193.504.000 đồng. Đã trích lập dự phòng 96.752.000 đồng.

Công ty Travali: Tổng nợ 2.661.136.500 đồng, đã thanh toán 2.121.836.000 đồng, còn nợ 539.300.500 đồng. Đã trích lập dự phòng 544.650.000 đồng.

2.8.2 Tồn kho

Tồn đầu năm: 5.772.582.652 đồng

Tồn 30/09/2022: 1.616.358.569 đồng (Chủ yếu là hàng Prominent), đã trích lập dự phòng 212.135.388 đồng và nguồn công nợ, nên không phát sinh chi phí.

- Thành phẩm: 152.628.167 đồng
- Bán thành phẩm: 564.913.214 đồng
- Nguyên liệu: 634.813.665 đồng
- Phụ liệu: 264.003.523 đồng

2.8.3 Cắt lỗ

Lỗ lũy kế năm 2021: 22.085.913.375 đồng

Kế hoạch cắt lỗ: Dự kiến đến hết năm 2023, Công ty sẽ hoàn vốn chủ sở hữu 22.085.913.375 đồng.

- Năm 2022: 12.780.000.000 đồng
- Năm 2023: 9.500.000.000 đồng

*** Đánh giá chung**

Năm 2022 là năm bản lề đưa Công ty 28.1 chuyển mình vượt khó sau 2 năm chịu tác động nặng nề của dịch bệnh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám đốc công ty, tập thể Công ty 28.1 đã đạt được các kết quả nhất định, đạt vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022, từng bước ổn định các mặt hoạt động, ổn định việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động và tạo niềm tin cho toàn thể cán bộ công nhân viên hăng say sản xuất.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì trong năm 2022, còn một số tồn tại mà công ty cần tập trung giải quyết trong năm 2023 và những năm tiếp theo như sau:

- 1) Chỉ tiêu gia công ngoài đạt còn thấp, chưa phát triển được đơn vị gia công để kết nối lâu dài.
- 2) Tình hình lao động sụt giảm và công tác tuyển dụng chưa bù đắp được cho số lao động nghỉ việc, tính đến thời điểm hiện tại thì quân số là 445 người, giảm 30 người so với đầu năm.
- 3) Mặc dù năm 2022 công ty đã thoát thua lỗ nhưng lỗ lũy kế vẫn còn rất lớn (khoảng 9,4 tỷ).

Phần thứ hai

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi

- Luôn nhận được sự quan tâm, lãnh đạo sâu sát của Đảng ủy, Ban điều hành Tổng công ty 28 về cả tinh thần và vật chất.
- Tình hình tư tưởng cán bộ, công nhân viên ổn định, thu nhập của người lao động đã được cải thiện rõ rệt từ năm 2022 tạo khí thế phấn khởi, đồng lòng, quyết tâm từ cán bộ quản lý tới từng lao động trực tiếp sản xuất.

2. Khó khăn

- Thị trường thế giới biến động chưa có dự báo chính xác, tuy nhiên dấu hiệu suy giảm nhu cầu bắt đầu rõ nét từ quý IV/2022, chu kỳ tồn kho kéo dài có thể ảnh hưởng tới các đơn hàng của năm 2023 đặc biệt thị trường Châu Âu và Anh suy giảm mạnh, thị trường Mỹ cũng có dấu hiệu suy giảm nhu cầu bằng việc dời giao hàng từ một vài nhánh hàng xuất Mỹ.

- Nguồn hàng quý 2 và quý 3 giảm mạnh do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới.

- Chi phí nguyên phụ liệu đầu vào tăng giá do tỷ giá USD tăng mạnh, giá FOB có xu hướng giảm do thị trường đi xuống.

- Công tác tuyển dụng và giữ chân lao động trực tiếp sản xuất vẫn gặp nhiều khó khăn.

- Lương cơ bản dự kiến tăng, chi phí ăn ca, thuê đất và các chi phí sản xuất khác cũng có xu hướng tăng mạnh trong năm 2023.

II. Nhiệm vụ kế hoạch năm 2023

1. Nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu

- Luôn bám sát các chỉ tiêu kế hoạch để điều hành quản lý sản xuất, các chỉ tiêu kế hoạch quý cụ thể: Quý I từ 23% KH năm, Quý 2 từ 24%, Quý 3 từ 27% và quý 4 từ 26%, mục tiêu đạt tối thiểu là 100% kế hoạch năm đã xây dựng, đảm bảo kế hoạch thu hồi vốn chủ vào năm 2023 và năm 2024 bắt đầu chia cổ tức cho cổ đông.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành sản xuất đảm bảo tiến độ, chất lượng giao hàng cho khách để giữ vững uy tín trên thị trường.

- Tiếp tục giữ ổn định các khách hàng truyền thống, đồng thời tìm kiếm, lựa chọn thêm các khách hàng xuất khẩu có sản lượng lớn để tăng tính ổn định, tăng tính cạnh tranh về đơn giá cũng như đảm bảo sản lượng cho định hướng phát triển gia công ngoài; có điều kiện tăng năng suất, tăng thu nhập cho người lao động. Nâng cao tỉ trọng hàng FOB từ 95% trở lên.

- Đẩy mạnh kinh doanh thương mại, hợp tác chiến lược với các xưởng vệ tinh, tập trung tổ chức sản xuất gia công ngoài, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ GTGCCB ngoài xưởng năm 2023 tăng trưởng 36% so với năm 2022, từ 8.1 tỷ lên 11 tỷ.

- Tích cực tuyển dụng và nghiên cứu các biện pháp giữ chân lao động để giữ ổn định qui mô như hiện tại.

- Triển khai các biện pháp tăng năng suất lao động, đầu tư các MMTB tự động hoá để thay thế con người, tiệm cận đến năng suất bình quân của ngành để có lợi thế cạnh tranh về giá, tạo điều kiện để nhận được các đơn hàng lớn, ổn định hơn.

- Tiếp tục triển khai và nâng cấp phần mềm quản lý sản xuất, tiến tới áp dụng ERP cho tất cả các hoạt động của công ty, từ đầu vào đến đầu ra.
- Xây dựng đơn vị VMTD và Đảng bộ TSVM, đơn vị an toàn tuyệt đối.

2. Các chỉ tiêu chính

(Kèm theo Phụ lục số 01 – các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023)

3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

3.1 Công tác nguồn hàng, khách hàng

- Tiếp tục xác định mặt hàng chiến lược chủ lực là dòng hàng cao cấp men suits, blazer cho cả thị trường xuất khẩu và nội địa. Đồng thời, phát triển thêm dòng hàng quần khaki, quần short, quần tây nữ... để phục vụ chiến lược phát triển gia công ngoài.

- Theo dõi, bám sát tình hình thị trường để dự báo nhu cầu, kịp thời nắm bắt đưa ra các giải pháp khi thị trường biến động, chủ động tìm kiếm các nguồn hàng thay thế đảm bảo ổn định sản xuất trong xưởng và nguồn hàng đã xác nhận tại các xưởng gia công.

- Xác định rõ mục tiêu cốt lõi về công tác khách hàng, nguồn hàng: Chất lượng cao, giao hàng chuẩn mực, dịch vụ khách hàng tốt, nhanh chóng xử lý và phản hồi các yêu cầu của khách hàng theo hướng chuyên nghiệp và chuyên môn hoá cao, tiếp tục giữ vững phân khúc nguồn hàng cao cấp.

- Thường xuyên giữ liên lạc với khách hàng, duy trì tổ chức họp với lãnh đạo/ người đại diện về nguồn hàng, nắm bắt sát tình hình về nguồn hàng để xác nhận sản lượng sản xuất, dành năng lực sản xuất và thể hiện tinh thần hợp tác tổ chức sản xuất ổn định và bền vững.

- Thường xuyên giữ uy tín với khách hàng về tiến độ và chất lượng sản phẩm để tạo lòng tin lâu dài.

- Phối hợp tốt với các đơn vị trong Tổng công ty để triển khai các đơn hàng quốc phòng, hàng thuế khi được phân bổ chỉ tiêu.

3.2 Công tác kế hoạch, kinh doanh

- Công tác kế hoạch làm tốt chức năng tham mưu trên các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ đầu vào đến đầu ra, ổn định về nguồn hàng và khách hàng.

- Chú trọng công tác sắp xếp kế hoạch sản xuất phù hợp với năng lực và thể mạnh của từng chuyên, theo dõi sát tiến độ sản xuất để đôn đốc các bộ phận sản xuất. Chủ động làm việc với khách hàng để giải quyết những vấn đề về tiến độ giao hàng, tránh phát sinh các chi phí như đi Air, xin giờ, dẫn đường...

- Thường xuyên duy trì nghiêm túc công tác điều hành, công tác tổ chức sản xuất, công tác quản lý có nề nếp, khoa học, tuân thủ các qui trình kiểm soát.

- Tập trung cân đối NPL đúng, đủ, kịp thời, quản lý tốt công tác kho bãi, kiểm soát định mức hao hụt trong sản xuất, tận dụng NPL tồn để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, xây dựng các chính sách thưởng hợp lý trong thực hành tiết kiệm.
- Chỉ huy các Phòng và Phân xưởng bám sát kế hoạch, kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh liên quan đến sản xuất đặc biệt là công tác cấp BTP của Phân xưởng cắt, năng suất của Phân xưởng may.
- Các phòng và Phân xưởng luôn duy trì nghiêm túc công tác sản xuất tinh gọn, công tác 5S: tổ chức sắp xếp bố trí sản xuất phù hợp với tình hình thực tế.
- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để đẩy mạnh sản xuất gia công ngoài theo chiến lược đã xác định, ngoài các mặt hàng chủ lực, cần đa dạng hoá thêm các mặt hàng để gia tăng sản lượng. Xây dựng đội ngũ phát triển gia công ngoài chuyên nghiệp, đủ năng lực để quản lý tốt tiến độ và chất lượng hàng gia công bên ngoài xưởng. Tích cực phối hợp với các đơn vị trong TCT như Phòng KDDM, Công ty KDTT, Chi nhánh Hà Nội để kể nối dệt may, phát triển hàng đồng phục...

3.3 Công tác cung ứng

- Thường xuyên rà soát tình hình đồng bộ NPL để kịp thời đôn đốc NPL về kho đồng bộ trước khi phát lệnh sản xuất, đáp ứng tiến độ sản xuất và giao hàng theo kế hoạch.
- Công tác cung ứng BTP cho xưởng may phải được chú trọng và ưu tiên cả về số lượng và chất lượng, đây là điều kiện quan trọng để cho xưởng may tăng năng suất.
- Triển khai đánh giá lại các nhà cung cấp để lựa chọn được các nhà cung cấp tốt nhất cả về giá cả, chất lượng và dịch vụ.
- Tăng cường công tác quản lý cung ứng vật tư, phụ tùng để giảm hao phí lãng phí chờ máy trong sản xuất.

3.4 Công tác kỹ thuật, quản lý sản xuất

- Duy trì hệ thống kiểm soát chất lượng trong toàn công ty, không để tình trạng hàng tái chế xảy ra thường xuyên.
- Các đơn vị bám sát tác nghiệp sản xuất để tổ chức sản xuất sản phẩm đúng tiến độ và đạt chất lượng như kế hoạch của Công ty.
- Tổ chức, bố trí sản xuất có hiệu quả, hạn chế tối đa làm thêm chủ nhật, làm thêm giờ.
- Các phòng chức năng thường xuyên làm tốt công tác chuẩn bị phục vụ sản xuất; luôn chủ động rà soát, bám sát kế hoạch để kịp thời cung cấp NPL, MMTB, các loại văn bản tài liệu kỹ thuật, sơ đồ, rập, cũ cuốn,...
- Làm tốt công tác kiểm tra chất lượng NPL đầu vào, chất lượng BTP trước khi đưa lên chuyền phối hợp với phòng kế hoạch kịp thời thông báo kết quả kiểm tra chất lượng tới các bộ phận liên quan để nhanh chóng làm việc với khách hàng, NCC, chuẩn bị tốt công tác đầu vào.

- Công tác kỹ thuật và kế hoạch phối hợp chặt chẽ để sắp xếp bố trí và tổ chức triển khai tốt công tác gia công ngoài, đảm bảo gia công ngoài ổn định về chất lượng, giao hàng đúng kế hoạch, bám sát các kế hoạch đã xác nhận với khách hàng.

- Phòng kỹ thuật và các phân xưởng cần nghiên cứu kỹ sản phẩm trước khi đưa vào sản xuất đặc biệt các sản phẩm mới: nghiên cứu về chất liệu, tài liệu kỹ thuật, quy cách may, ... để đưa ra các giải pháp, các loại cỡ cuốn phù hợp nhằm đảm bảo sản phẩm sản xuất ra đạt chất lượng, đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Phòng kỹ thuật chủ động phối hợp với khách hàng để tư vấn về yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm phù hợp với MMTB và tay nghề của công nhân hiện có. Đặc biệt là tiếp nhận thông tin và ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm của khách hàng để có biện pháp ngăn chặn những lỗi sản phẩm, hạn chế thấp nhất các thiệt hại kinh tế.

- Thực hiện nghiêm qui trình kiểm tra chất lượng sản phẩm ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất;

3.5 Công tác quản lý tài chính

- Tích cực làm việc với ngân hàng MB để nâng hạn mức tín dụng, đồng thời tìm thêm ngân hàng để tiếp cận nguồn vốn vay với lãi suất tốt hơn.

- Đối với các nguồn cung cấp đầu vào, làm việc với các đối tác để gia tăng tỉ trọng và thời hạn thanh toán trả sau.

- Tăng cường công tác quản lý đơn hàng để rút ngắn thời gian NPL lưu trữ trong kho, giao hàng đúng hạn, thu hồi công nợ kịp thời để có vốn quay vòng.

- Đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo, kiểm soát đặc biệt về tài chính theo yêu cầu từ trên.

3.6 Công tác quản trị và đầu tư

- Bám sát các chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao để điều hành; phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cho từng bộ phận, chuyên, tổ và cá nhân để thực hiện.

- Thực hiện tốt kế hoạch thu hồi vốn chủ đã đề ra, hoàn thành trễ nhất là cuối năm 2023

- Tổ chức và duy trì nghiêm các mặt công tác quản lý, thực hiện đầy đủ và kịp thời tất cả các báo cáo theo qui định của trên.

- Kiểm soát chặt chẽ các nghiệp vụ về tài chính kế toán, công nợ, hợp đồng, hoá đơn đầu vào đầu ra, các nghiệp vụ xuất nhập khẩu, hải quan... để thực hiện đúng quy định, hạn chế các rủi ro trong quản trị.

- Thực hiện các biện pháp tiết kiệm, tiết giảm chi phí; rà soát và điều chỉnh các định mức khoán chi phí, định mức kỹ thuật để kiểm soát chi phí; bảo trì bảo dưỡng MMTB đúng quy định, hạn chế hư hỏng sửa chữa, giảm thiểu chi phí phát sinh.

- Triển khai và duy trì tốt phần mềm quản lý sản xuất; phục vụ có hiệu quả đối với công tác tổ chức sản xuất, công tác quản lý và tiếp tục nâng cấp phần mềm quản lý, điều chỉnh phù hợp với thực tế sản xuất.

- Tổ chức đầu tư MMTB, CCDC theo đúng kế hoạch, theo định hướng tự động hoá sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tổ chức nghiệm thu và đưa vào khai thác phát huy hiệu quả sử dụng.

3.7 Công tác quản lý lao động, tiền lương, chế độ chính sách, tuyển dụng, đào tạo lao động

- Tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh phương án tiền lương, sắp xếp định biên khối gián tiếp theo hướng tinh giản để nâng cao thu nhập và giữ chân lao động.

- Tích cực tuyển dụng lao động trực tiếp bằng nhiều kênh, nhiều biện pháp để bù đắp lao động thiếu hàng ngày cho các chuyên may.

- Làm tốt công tác tổ chức cho sinh viên thực tập để thu hút sinh viên từ các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn, qua đó bổ sung lực lượng lao động vừa học vừa hỗ trợ cho sản xuất.

- Duy trì việc trả lương đúng thời gian và thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời các chế độ chính sách, phúc lợi cho người lao động.

- Duy trì tốt công tác đào tạo cho công nhân mới, công nhân yếu, đào tạo thao tác chuẩn; tổ chức kỳ thi nâng bậc và nâng lương cho công nhân trực tiếp sản xuất để giữ chân các thợ bậc cao.

3.8 Công tác hành chính hậu cần và an toàn đơn vị

- Làm tốt công tác hành chính hậu cần đảm bảo môi trường làm việc xanh và an toàn lao động: duy trì nghiêm công tác PCCN, phòng chống dịch bệnh, chăm lo sức khỏe cho người lao động;

- Duy trì tốt các hệ thống đánh giá nhà máy: Iso, Better work và các yêu cầu đánh giá nhà máy của khách hàng.

- Duy trì nghiêm và thực hiện tốt công tác bảo vệ, tuần tra đảm bảo đơn vị an toàn tuyệt đối về người và tài sản.

- Đảm bảo tốt công tác quân y, an toàn thực phẩm, công tác văn thư lưu trữ; tuyệt đối không để xảy ra mất an toàn ảnh hưởng đến công tác quản lý và sản xuất của Công ty.

- Hoàn thiện, bổ sung các quy định để chấn chỉnh, nâng cao ý thức chấp hành nội qui kỷ luật lao động và trách nhiệm của người lao động.

3.9 Công tác Đảng, công tác chính trị

- Trên cơ sở kế hoạch công tác Đảng, công tác chính trị của Tổng công ty 28, căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, Đảng uỷ công ty lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đầy đủ, có chất lượng, đúng thời gian các công việc về công tác Đảng, công tác chính trị theo quy định.

- Bám sát chỉ đạo hướng dẫn của Tổng công ty 28, Nghị quyết Đảng ủy Công ty để xây dựng kế hoạch và thực hiện đầy đủ nội dung chương trình giáo dục chính trị cho các đối tượng. Sắp xếp bố trí thời gian hợp lý để hoàn thành các nội dung học tập, đảm bảo trên 98% cán bộ, đảng viên tham gia học tập và viết bài kiểm tra, tỷ lệ cán bộ, đảng viên đạt khá giỏi 100%, gắn kết quả kiểm tra chính trị năm với đánh giá chất lượng đảng viên, bình xét thi đua khen thưởng của cán bộ, nhân viên, lao động để mỗi người tự giác tham gia học tập đầy đủ, đạt chất lượng, kết nạp 2 đảng viên mới.

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền và các phong trào thi đua thường xuyên và đột kích gắn với các sự kiện lớn của đất nước với thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Chú trọng xây dựng gương điển hình tiên tiến. Đẩy mạnh, duy trì có chất lượng các phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho cán bộ, công nhân lao động trong Công ty.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của trên, giữ vững các nguyên tắc, duy trì nền nếp, chế độ công tác xây dựng đảng, thực hiện tốt công tác kiểm tra giám sát và thi hành kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng đối với tổ chức đảng và đảng viên theo kế hoạch.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ chỉ huy, quản lý của Công ty đủ tiêu chuẩn cả về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- Duy trì tốt chế độ tuyên truyền, giáo dục, nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ, công nhân viên, người lao động trong Công ty.

- Thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng, giải quyết kịp thời vướng mắc, khó khăn để giữ chân ổn định lao động nhất là dịp sau Tết;

- Chỉ đạo xây dựng các tổ chức quần chúng vững mạnh xuất sắc, luôn đóng vai trò nòng cốt xung kích trong thi đua sản xuất và tham gia có hiệu quả các hoạt động xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

Trên đây là nội dung báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần 28.1. Công ty rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý cổ đông để HĐQT Công ty chuẩn bị và hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm 2023./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- BDH TCT 28, HĐQT(B/c);
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Trần Doãn Thoan

CÔNG TY TNHH MTV TỔNG CÔNG TY 28
CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Phụ lục số 01: các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	ƯỚC TH NĂM 2022	KẾ HOẠCH NĂM 2023	% KH2023 /TH2022	% KH2023 /KH2022	GHI CHÚ
I	Các khoản nộp	1.000đ	10.172.000	10.849.000	106,7	101,6	
1	Các khoản nộp ngân sách	"	731.000	731.000	100,0	53,8	
a	Nộp hệ thống tài chính Quân đội	1.000đ					
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"					
b	Nộp nhà nước	1.000đ	731.000	731.000	100,0	53,8	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"					
	Thuế GTGT	"	645.000	645.000	100,0	58,6	
	Thuế xuất nhập khẩu	"	40.000	40.000	100,0	25,8	
	Thuế môn bài	"	3.000	3.000	100,0	100,0	
	Thuế thu nhập cá nhân	"	43.000	43.000	100,0	43,0	
	Thuế nhà thầu	"					
	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	"					
2	Các khoản nộp khác	1.000đ	9.441.000	10.118.000	107,2	108,6	
a	Nộp hệ thống tài chính Quân đội	1.000đ	1.373.000	1.413.000	102,9	99,9	
	Bảo hiểm xã hội	"	404.000	444.000	109,9	99,8	
	Bảo hiểm y tế	"					
	Tiền thuê đất	"	969.000	969.000	100,0	100,0	
b	Nộp nhà nước	1.000đ	7.907.000	8.534.000	107,9	110,2	
	Bảo hiểm xã hội của LDHD	"	6.452.000	6.801.000	105,4	107,7	
	Bảo hiểm y tế của LDHD	"	1.139.000	1.200.000	105,4	107,6	
	Bảo hiểm thất nghiệp của LDHD	"	316.000	533.000	168,7	171,9	
	Tiền sử dụng đất	"					
c	Kinh phí Công đoàn	1.000đ	161.000	171.000	106,2	107,5	
d	Nộp cổ tức về Tổng công ty	1.000đ					
II	Tổng doanh thu	1.000đ	270.371.000	325.000.000	120,2	129,6	
	Trong đó:						
1	Quốc phòng	1.000đ		1.128.000		90,2	
	+ Gia công may	"		1.128.000		90,2	
2	Doanh thu kinh tế	1.000đ	266.731.000	321.152.000	120,4	131,0	
	Trong đó:						
2.1	Sản xuất xuất khẩu	1.000đ	225.549.000	254.830.000	113,0	112,8	
	Doanh thu FOB	"	212.235.000	248.993.000	117,3	114,8	
	Doanh thu Gia công	"	13.314.000	5.837.000	43,8	65,1	
2.2	Sản xuất nội địa	1.000đ	41.182.000	66.322.000	161,0	346,1	
	Trong đó:	"					
	- Khách ngoài	"	37.341.000	62.390.000	167,1	325,6	
	+ Doanh thu FOB	"	36.726.000	62.390.000	169,9	618,6	
	+ Doanh thu Gia công	"	615.000				
	- Nội bộ	"	3.841.000	3.932.000	102,4		
3	Doanh thu hàng dệt may	1.000đ					
4	Doanh thu cho thuê	1.000đ	2.230.000	2.100.000	94,2	64,8	
5	Doanh thu hoạt động tài chính	1.000đ	560.000	500.000	89,3	45,5	
6	Doanh thu khác	1.000đ	850.000	120.000	14,1	120,0	
III	Gia công chế biến	1.000đ	75.986.000	84.758.000	111,5	104,0	
	- Sản xuất trong xưởng	"	67.831.000	73.684.000	108,6	120,4	
	- Gia công ngoài	"	8.155.000	11.074.000	135,8	54,6	
IV	Lợi nhuận	1.000đ	12.780.000	9.500.000	74,3	19.000,0	
	- Từ hoạt động SXKD chính	"	12.027.000	9.061.768	75,3		
	- Từ cho thuê	"	1.337.000	1.181.959	88,4	63,4	
	- Từ hoạt động tài chính	"	-931.000	-843.727			
	- Từ thu khác	"	347.000	100.000	28,8	1.000,0	
V	Một số chỉ tiêu hiệu quả						
	Tỷ suất lợi nhuận/ vốn chủ sở hữu	%	31,6	19,0	60,2		
	Tỷ suất lợi nhuận/ tổng tài sản	"	12,2	8,6	71,0		
	Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu	"	4,7	2,9	61,9		
	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,2	1,3	108,0	80,8	
	Khả năng thanh toán hiện thời	"	0,5	0,6	117,6	91,3	
	Nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu	"	2,0	1,7	87,5	101,2	
	Vòng quay hàng tồn kho	"	5,0	5,6	113,2	112,6	
	Vòng quay công nợ	"	14,9	16,6	111,1	89,3	



VI	Tỷ lệ chia cổ tức	%				
VII	Thu nhập BQ người/ tháng (theo LĐ trong danh sách)	Đồng	10.533.000	12.144.000	115,3	129,1
	Trong đó: - Tiền lương	"	8.467.000	10.017.000	118,3	124,8
	- Thu nhập khác	"	427.000	361.000	84,5	198,4
	- Lương cuối năm, lễ	"	1.639.000	1.766.000	107,7	147,5
VIII	Lao động bình quân					
	- Lao động BQ trong danh sách	Người	446,00	446,00	100	94,49
	- Lao động làm việc thực tế BQ	"	419,00	419,00	100	93,11
IX	Thời gian làm việc					
	- Số ngày làm việc trong tháng	Ngày	25,75	25,75	100,00	100,98
	- Số giờ làm việc BQ 1 ngày	Giờ	9,83	9,83	100,00	115,69
X	Năng suất lao động (theo GTGCCB/ người/ tháng)					
	- Tính theo LDBQ trong danh sách	Đồng	12.666.823	13.767.564	108,7	127,5
	- Tính theo LĐ thực tế BQ	"	13.501.361	14.654.733	108,5	129,3
	- Năng suất LĐ quy về 26 ngày/ tháng và 8 giờ/ ngày	"	11.090.800	12.038.247	108,5	110,7
XI	Kế hoạch đầu tư	1.000đ	3.050.000	5.697.000	186,8	739,9
	- Xây dựng cơ bản	"		1.000.000		238,1
	- Cải tạo sửa chữa	"		600.000		
	- Máy móc thiết bị	"	2.850.000	4.097.000	143,8	1.170,6
	- Phương tiện vận tải	"	200.000			
	- Thiết bị quản lý	"				
	- MMTB là CCDC	"				
	- Phần mềm máy tính	"				
XII	Kim ngạch xuất nhập khẩu					
	- Xuất khẩu	USD	9.937.707	10.732.723	108,0	143,0
	- Nhập khẩu	"	8.087.967	8.735.004	108,0	1.027,2
XIII	Một số chỉ tiêu tính toán					
	- Vốn chủ sở hữu	1.000đ	40.463.000	49.963.000	123,5	162,0
	- Tổng tài sản	"	105.000.000	110.000.000	104,8	133,7

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ vào Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần 28.1 sửa đổi, bổ sung lần 2 được thông qua ngày 21/5/2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị Báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE). Báo cáo bao gồm các nội dung chính sau:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc.
2. Báo cáo kiểm toán độc lập.
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022.
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

6. Ý kiến của Kiểm toán viên Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE): Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Toàn bộ nội dung của Báo cáo tài chính năm 2022 đã được công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Website Công ty (www.agtex28-1.com) theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu: HĐQT.



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 34

02228
NG T
HIỆM H
N VÀ Đ
T N A
V - T F

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 28.1 (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quyết Thắng	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)
Ông Trần Doãn Thoan	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/04/2022)
Ông Nguyễn Thiện	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/04/2022)
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)
Ông Võ Sỹ Nam	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/04/2022)

Ban Giám đốc

Ông Trần Doãn Thoan	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/03/2022)
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/03/2022)
Ông Nguyễn Thiện	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/03/2022)
Ông Võ Sỹ Nam	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/03/2022)
Ông Nguyễn Văn Tài	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10,
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

*đính kèm báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1



Trần Doãn Thoan

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Số : *222.M* -23/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần 28.1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28.1 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 10/03/2022.



Ngô Bá Duy

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Thị Hiền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1

3121
CÔNG
CHÍNH
TOÁN
IẾ
GIẤY

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		112.983.075.135	70.810.790.648
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	7.754.754.172	8.370.695.514
1. Tiền	111		7.754.754.172	8.370.695.514
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.424.249.825	15.751.028.079
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	12.474.359.910	15.440.845.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	707.824.780	569.183.668
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	650.028.285	382.401.243
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(407.963.150)	(641.402.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6.	90.138.303.318	46.606.689.705
1. Hàng tồn kho	141		90.138.303.318	47.302.561.347
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(695.871.642)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.665.767.820	82.377.350
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.	-	82.377.350
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.665.767.820	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.062.651.758	20.338.759.915
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4.	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		17.220.745.917	18.606.785.263
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	17.220.745.917	18.606.785.263
- Nguyên giá	222		92.700.354.097	90.498.955.271
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.479.608.180)	(71.892.170.008)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		831.905.841	1.721.974.652
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	831.905.841	1.721.974.652
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		131.045.726.893	91.149.550.563

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		90.576.205.897	63.466.346.319
I. Nợ ngắn hạn	310		90.576.205.897	63.466.346.319
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	63.997.202.134	30.599.819.703
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.	2.530.998.815	5.517.756.651
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.	47.405.331	318.467.189
4. Phải trả người lao động	314		4.211.041.785	4.289.056.782
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12.	68.328.140	60.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	1.649.611.340	2.619.540.144
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.	17.903.188.493	19.908.055.991
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		168.429.859	153.649.859
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.469.520.996	27.683.204.244
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	40.469.520.996	27.683.204.244
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		48.633.860.000	48.633.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.633.860.000	48.633.860.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.135.257.619	1.135.257.619
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.299.596.623)	(22.085.913.375)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(22.085.913.375)	(9.068.237.583)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.786.316.752	(13.017.675.792)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		131.045.726.893	91.149.550.563

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Người lập



Lê Thị Oanh

Kế toán trưởng



Tăng Hùng



Trần Doãn Thoan

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	262.715.114.370	139.538.707.848
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	103.673.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		262.611.441.370	139.538.707.848
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	224.070.139.698	133.273.749.396
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		38.541.301.672	6.264.958.452
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	3.992.537.978	526.489.551
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	4.059.680.148	1.701.724.985
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		861.503.281	1.125.536.412
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	2.944.018.382	1.973.725.564
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	23.060.330.011	16.744.766.498
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		12.469.811.109	(13.628.769.044)
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	316.529.822	625.369.052
12. Chi phí khác	32	VI.7.	24.179	14.275.800
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		316.505.643	611.093.252
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.786.316.752	(13.017.675.792)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.786.316.752	(13.017.675.792)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	2.629,10	(2.676,67)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Người lập



Lê Thị Oanh

Kế toán trưởng



Tăng Hùng

Giám đốc



Trần Doãn Thoan

28-C
TY
HỮU H
A ĐỊNH
NAM
TP.

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.786.316.752	(13.017.675.792)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.762.556.272	6.123.000.638
- Các khoản dự phòng	03		(929.310.492)	1.337.273.642
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.874.688.311)	110.784.167
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.360.272)	(1.154.831)
- Chi phí lãi vay	06		861.503.281	1.125.536.412
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.602.017.230	(4.322.235.764)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		581.594.222	146.413.914
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(42.835.741.971)	(621.160.458)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		32.193.425.024	4.711.811.194
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		972.446.161	205.018.786
- Tiền lãi vay đã trả	14		(861.503.281)	(1.125.536.412)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		14.780.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			(1.486.396.151)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.667.017.385	(2.492.084.891)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.376.516.926)	(30.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.851.852	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.508.420	1.154.831
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.372.156.654)	(29.345.169)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		48.394.001.793	57.927.429.335
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(49.976.317.731)	(53.292.147.533)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.582.315.938)	4.635.281.802

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(287.455.207)	2.113.851.742
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.370.695.514	6.224.763.750
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(328.486.135)	32.080.022
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	7.754.754.172	8.370.695.514

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Oanh



Tăng Hùng



Trần Doãn Thoan

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần 28.1 (gọi tắt là "Công ty") là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV 28.1 theo Quyết định số 2103/QĐ-BQP ngày 04/06/2015 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 đăng ký lần đầu ngày 01/08/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304484232 thay đổi lần 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 03 năm 2022 về thay đổi người đại diện theo pháp luật thì vốn điều lệ của Công ty là **48.633.860.000 đồng** (Bốn mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh Sản xuất, thương mại và dịch vụ ngành hàng may mặc.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất hàng may mặc (trừ tấy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan);
- Mua bán hàng may mặc;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may;
- Lưu giữ hàng hóa, cho thuê kho bãi./.

Trụ sở Công ty tại: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

6. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại 31/12/2022 là 446 người (tại 31/12/2021: 475 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

28-C
TY
HỮU
ĐINH
AM
P.P

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 07
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- TSCĐ khác	03 - 07

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn thể hiện các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đã đánh giá lại số dư công nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế bán ra của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí tiền điện là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa may mặc, vải tiết kiệm, doanh thu dịch vụ gia công, doanh thu hợp tác kinh doanh, doanh thu cho thuê kho và doanh thu khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

01
CÔ
CH M
ATO
VIỆ
VÀ

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền		
Tiền mặt	454.269.148	27.522.198
Tiền gửi ngân hàng	7.300.485.024	8.343.173.316
Cộng	7.754.754.172	8.370.695.514

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Lever Style Limited	4.437.923.172	-	-	-
APG & Co., PTY Ltd	3.846.772.623	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư K&G Việt Nam	1.345.919.764	-	1.361.190.800	-
Itochu Prominent USA LLC	-	-	5.215.492.334	-
Các đối tượng khác	2.843.744.351	(407.963.150)	8.864.162.034	(641.402.000)
Cộng	12.474.359.910	(407.963.150)	15.440.845.168	(641.402.000)

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Jiangyin Heng Yuan Da Trade Co.,Ltd	-	282.112.738
Công ty TNHH Thương mại vải sợi Minh An	-	156.000.000
Byways Far East Limited	117.774.732	-
Công ty TNHH Một thành viên Vải sợi Hải Sao	292.685.400	-
Công ty TNHH G-A Ngọc Minh Châu	72.293.688	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gai Thiên Phước	178.050.960	-
Các đối tượng khác	47.020.000	131.070.930
Cộng	707.824.780	569.183.668

4. Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	650.028.285	-	382.401.243	-
Phải thu khác	650.028.285	-	382.401.243	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	648.882.831	-	352.690.901	-
Thuế GTGT chưa kê khai	1.145.454	-	-	-
Các khoản phải thu khác	-	-	29.710.342	-
b) Dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	660.028.285	-	392.401.243	-

c) **Phải thu khác của các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Phải thu khách hàng</i>				
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất Nahy	193.504.000	58.051.200	193.504.000	96.752.000
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Travali	389.300.500	116.790.150	1.139.300.500	594.650.500
Cộng	582.804.500	174.841.350	1.332.804.500	691.402.500

6. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	217.867.020	-	789.142.108	-
Nguyên liệu, vật liệu	33.964.633.087	-	20.951.529.147	(425.234.372)
Công cụ, dụng cụ	33.095.242	-	16.366.727	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.511.632.294	-	5.901.495.439	-
Thành phẩm	33.625.948.316	-	19.637.477.991	(270.637.270)
Hàng hoá	-	-	6.549.935	-
Hàng gửi đi bán	7.785.127.359	-	-	-
Cộng	90.138.303.318	-	47.302.561.347	(695.871.642)

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10,
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2022	26.257.141.171	58.738.757.831	2.184.247.890	340.536.200	2.978.272.179	90.498.955.271
Mua trong năm	-	3.172.813.222	203.703.704	-	-	3.376.516.926
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.029.618.100)	-	(145.500.000)	-	(1.175.118.100)
Số dư ngày 31/12/2022	26.257.141.171	60.881.952.953	2.387.951.594	195.036.200	2.978.272.179	92.700.354.097
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2022	18.839.476.276	48.258.801.590	1.578.417.071	340.536.200	2.874.938.871	71.892.170.008
Khấu hao trong năm	659.139.180	3.843.830.332	156.253.452	-	103.333.308	4.762.556.272
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.029.618.100)	-	(145.500.000)	-	(1.175.118.100)
Số dư ngày 31/12/2022	19.498.615.456	51.073.013.822	1.734.670.523	195.036.200	2.978.272.179	75.479.608.180
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	7.417.664.895	10.479.956.241	605.830.819	-	103.333.308	18.606.785.263
Tại ngày 31/12/2022	6.758.525.715	9.808.939.131	653.281.071	-	-	17.220.745.917

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 39.598.142.058 VND (Tại ngày 31/12/2021 là 28.158.219.258 VND)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	82.377.350
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	-	82.377.350
b) Dài hạn	831.905.841	1.721.974.652
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	831.905.841	1.047.387.993
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	-	674.586.659
Cộng	831.905.841	1.804.352.002

9. Phải trả người bán

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Prominent (Europe) Ltd	2.439.068.354	2.439.068.354	3.075.984.443	3.075.984.443
Levertex Co Limited	-	-	2.132.242.597	2.132.242.597
Lever Apparel Limited	-	-	16.597.770.311	16.597.770.311
Công ty Cổ phần Kết nối thời trang	2.830.928.994	2.830.928.994	2.605.093.552	2.605.093.552
Lever Style Limited	43.667.103.915	43.667.103.915	-	-
Oktava Limited	1.802.368.974	1.802.368.974	33.344.821	33.344.821
Topsun Garment Limited	4.340.643.700	4.340.643.700	-	-
Các đối tượng khác	8.917.088.197	8.917.088.197	6.155.383.979	6.155.383.979
Cộng	63.997.202.134	63.997.202.134	30.599.819.703	30.599.819.703

10. Người mua trả tiền trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Oktava Limited	2.021.448.545	-
Prominent (Europe) Ltd	-	1.600.249.031
APG & Co., PTY Ltd	-	3.779.033.579
Các đối tượng khác	509.550.270	138.474.041
Cộng	2.530.998.815	5.517.756.651

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2022
Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	270.670.110	333.982.337	604.652.447	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	379.145.210	379.145.210	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	73.317.609	73.317.609	-
Thuế thu nhập cá nhân	47.797.079	50.269.793	50.661.541	47.405.331
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	24.179	24.179	-
Cộng	318.467.189	839.739.128	1.110.800.986	47.405.331

12. Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Trích trước tiền điện	68.328.140	-
Chi phí phải trả khác	-	60.000.000
Cộng	68.328.140	60.000.000

13. Phải trả khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	972.591.051	1.561.195.118
Các khoản phải trả, phải nộp khác	567.020.289	663.345.026
Nhận ký quỹ, ký cược	110.000.000	395.000.000
Cộng	1.649.611.340	2.619.540.144

8-C.1
TY
HỮU HẠ
ĐỊNH GI
AM
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Oanh, Phường 10,
Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022		Trong năm		Đơn vị tính: VND 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (*)	17.903.188.493	17.903.188.493	48.394.001.793	50.398.869.291	19.908.055.991	19.908.055.991
Cộng	17.903.188.493	17.903.188.493	48.394.001.793	50.398.869.291	19.908.055.991	19.908.055.991

(*) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 26507.22.201.150496.TD ngày 16/06/2022 với hạn mức cho vay là 20 tỷ đồng. Thời gian cấp hạn mức tín dụng là từ ngày ký hợp đồng đến ngày 24/05/2023. Mục đích là cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của Công ty. Khoản vay được bảo đảm bao gồm: (i) Tiền ký quỹ, Hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, Giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Quân đội phát hành, trái phiếu chính phủ và tín phiếu kho bạc (nhóm 1), Hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm do các tổ chức tín dụng khác phát hành, Bất động sản, phương tiện vận tải, máy móc thiết bị (nhóm 2); (ii) Hàng hóa và quyền đòi nợ hình thành từ phương án Ngân hàng TMCP Quân đội tài trợ, phương án mở LC và (iii) Hàng hóa đã đang và sẽ hình thành trong quá trình sản xuất/kinh doanh/cung cấp dịch vụ.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2021	48.633.860.000	(9.068.237.583)	39.565.622.417
Lỗi trong năm trước	-	(13.017.675.792)	(13.017.675.792)
Số dư tại ngày 31/12/2021	48.633.860.000	(22.085.913.375)	26.547.946.625
Lãi trong năm nay	-	12.786.316.752	12.786.316.752
Số dư tại ngày 31/12/2022	48.633.860.000	(9.299.596.623)	39.334.263.377

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	31.612.010.000	31.612.010.000
Các cổ đông khác	17.021.850.000	17.021.850.000
Cộng	48.633.860.000	48.633.860.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	48.633.860.000	48.633.860.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	48.633.860.000	48.633.860.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu phổ thông	4.863.386	4.863.386
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2022
Quỹ đầu tư phát triển	1.135.257.619	-	-	1.135.257.619
Cộng	1.135.257.619	-	-	1.135.257.619

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

16. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a) Tài sản nhận giữ hộ, gia công	Đơn vị tính	31/12/2022	01/01/2022
Vải các loại	Mét	10.381,60	107.870,12
Nguyên liệu khác	Mét	10.246,90	286.979,91
Nhãn các loại	Cái	83.339,00	1.400.422,00
Phụ liệu các loại	Bộ	583,00	-
Phụ liệu các loại	Cái	143.001,00	-
Phụ liệu các loại	Cặp	19.945,00	-
Phụ liệu các loại	Cuộn	3.196,70	-
Phụ liệu các loại	Mét	213.216,20	-
Phụ liệu các loại	Sợi	38,00	-
Phụ liệu các loại	Tờ	25.344,00	-
b) Ngoại tệ các loại		31/12/2022	01/01/2022
USD		210.009,02	356.994,65
c) Nợ khó đòi đã xử lý		31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Công ty TNHH May mặc S.M		-	6.308.051.602

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hàng hóa, thành phẩm	260.096.500.566	137.115.871.746
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.618.613.804	2.422.836.102
Cộng	262.715.114.370	139.538.707.848

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	103.673.000	-
Cộng	103.673.000	-

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm hàng hóa, thành phẩm	223.288.906.101	129.343.655.501
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.172.713.725	813.250.057
Giá vốn khác	-	2.420.972.196
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(391.480.128)	695.871.642
Cộng	224.070.139.698	133.273.749.396

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.508.420	1.154.831
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.115.341.247	525.334.720
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	2.874.688.311	-
Cộng	3.992.537.978	526.489.551

5. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	861.503.281	1.125.536.412
Chiết khấu thanh toán	-	439.451.312
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.197.911.216	28.501.584
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	108.235.677
Chi phí tài chính khác	265.651	-
Cộng	4.059.680.148	1.701.724.985

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền hỗ trợ nhận từ khách hàng	152.570.116	584.164.376
Thanh lý tài sản cố định	1.851.852	-
Thu nhập khác	162.107.854	41.204.676
Cộng	316.529.822	625.369.052

7. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính về thuế	24.179	-
Các khoản khác	-	14.275.800
Cộng	24.179	14.275.800

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	2.944.018.382	1.973.725.564
Chi phí vật liệu, bao bì	68.856.202	41.916.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.858.416.387	1.024.129.437
Chi phí bằng tiền khác	1.016.745.793	907.679.483
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	23.332.469.661	16.744.766.498
Chi phí nhân viên quản lý	15.154.220.852	10.346.221.164
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.156.396.282	1.096.512.690
Chi phí khấu hao TSCĐ	77.787.197	151.620.528
Thuế, phí và lệ phí	229.354.445	139.610.399
Chi phí dự phòng	38.700.800	641.402.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.526.634.988	1.284.326.087
Chi phí bằng tiền khác	3.149.375.097	3.085.073.630
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(272.139.650)	-
Hoàn nhập dự phòng phải thi khó đòi	(272.139.650)	-
Cộng	26.004.348.393	18.718.492.062

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	177.454.111.656	60.055.149.116
Chi phí nhân công	60.608.112.817	50.485.980.917
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.762.556.272	6.123.000.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.116.392.654	14.043.033.242
Chi phí khác bằng tiền	34.085.326.215	8.189.404.633
Cộng	285.026.499.614	138.896.568.546

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	12.786.316.752	(13.017.675.792)
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	641.365.376	-
Lỗi được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	(13.427.682.128)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(13.017.675.792)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.786.316.752	(13.017.675.792)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.786.316.752	(13.017.675.792)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.863.386	4.863.386
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.629,10	(2.676,67)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay cuối năm	422.551.560	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	48.394.001.793	57.927.429.335
Cộng	48.394.001.793	57.927.429.335

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	49.976.317.731	53.292.147.533
Cộng	49.976.317.731	53.292.147.533

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Công ty mẹ sở hữu 65% vốn góp
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bình Phú	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty kinh doanh thời trang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Xí nghiệp May đo	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Mua hàng	595.046.384	3.151.777.223
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	3.147.487.915
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú	-	4.289.308
Công ty Cổ Phần 28 Quảng Ngãi	404.854.184	-
Công ty Cổ phần Bình Phú	190.192.200	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Bán hàng	3.866.643.533	13.602.092.550
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty kinh doanh thời trang	2.114.667.000	5.521.506.250
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Xí nghiệp May đo	-	2.855.538.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.751.976.533	4.626.810.750
Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi	-	596.737.550
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng	-	1.500.000

b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khách hàng	-	611.410.900
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty kinh doanh thời trang	-	470.319.100
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Xí nghiệp May đo	-	141.091.800
Người mua trả trước	360.448.320	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 - Công ty kinh doanh thời trang	360.448.320	-

c) Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	848.581.052	821.134.316
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	50.580.000	74.580.000
Cộng	899.161.052	895.714.316

(*) Thu nhập năm 2021 được bổ sung thu nhập của Kế toán trưởng và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm:

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị		38.580.000	62.580.000
Nguyễn Trường Sơn	Chủ tịch	14.580.000	14.580.000
Nguyễn Quyết Thắng	Phó chủ tịch	3.000.000	12.000.000
Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên	3.000.000	12.000.000
Nguyễn Văn Tài	Thành viên	3.000.000	12.000.000
Huỳnh Thanh Điền	Thành viên	-	5.000.000
Vũ Sĩ Nam	Thành viên	3.000.000	7.000.000
Trần Doãn Thoan	Thành viên	6.000.000	-
Nguyễn Thiện	Thành viên	6.000.000	-
Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc		848.581.052	821.134.316
Ông Nguyễn Vĩnh Long	Thành viên HĐQT, Giám đốc	82.090.410	360.114.074

(Điều chuyển công tác từ tháng 3/2022)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ông Vũ Sỹ Nam	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc (Điều chuyển công tác từ tháng 3/2022)	68.702.784	227.117.733
Nguyễn Thiện	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	356.122.983	-
Lê Mai Dung	Kế toán trưởng (Điều chuyển công tác từ tháng 3/2022)	52.488.332	233.902.510
Tăng Hùng	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ tháng 03/2022)	289.176.542	-
Thù lao của Ban kiểm soát		12.000.000	12.000.000
Nguyễn Hữu Phước	Trưởng Ban kiểm soát	2.000.000	6.000.000
Hoàng Mạnh Cường	Trưởng Ban kiểm soát	4.000.000	-
Nguyễn Thanh Định	Thành viên Ban kiểm soát	3.000.000	3.000.000
Trần Thị Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát	3.000.000	3.000.000

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay đã trình bày tại Thuyết minh số V.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Các khoản vay	17.903.188.493	19.908.055.991
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7.754.754.172	8.370.695.514
Nợ thuần	10.148.434.321	11.537.360.477
Vốn chủ sở hữu	40.469.520.996	27.683.204.244
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	25%	42%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.754.754.172	8.370.695.514
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.726.425.045	15.191.844.411
Cộng	20.481.179.217	23.562.539.925
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	17.903.188.493	19.908.055.991
Phải trả người bán và phải trả khác	65.646.813.474	33.219.359.847
Chi phí phải trả	68.328.140	60.000.000
Cộng	83.618.330.107	53.187.415.838

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2022	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	65.646.813.474	-	65.646.813.474
Chi phí phải trả	68.328.140	-	68.328.140
Các khoản vay	17.903.188.493	-	17.903.188.493
01/01/2022	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	33.219.359.847	-	33.219.359.847
Chi phí phải trả	60.000.000	-	60.000.000
Các khoản vay	19.908.055.991	-	19.908.055.991

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31/12/2022	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.754.754.172	-	7.754.754.172
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.716.425.045	10.000.000	12.726.425.045
01/01/2022	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.370.695.514	-	8.370.695.514
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.181.844.411	10.000.000	15.191.844.411

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

Người lập

Lê Thị Oanh

Kế toán trưởng

Tăng Hùng

Giám đốc



Trần Doãn Thoan



CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2023**

Kính thưa: Quý vị đại biểu, Quý vị cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần 28.1;

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần 28.1;

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần 28.1 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 2202.10-23/BC-TC/VAE ngày 22/02/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam về việc Báo cáo kiểm toán độc lập tại thời điểm 31/12/2022 của Công ty Cổ phần 28.1;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban kiểm soát Công ty Cổ phần 28.1 xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với các nội dung chính như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Chúng tôi được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần 28.1 bầu là thành viên Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát đã thống nhất phân công nhiệm vụ như sau:

1. (Ông) Hoàng Mạnh Cường: Trưởng ban
2. (Bà) Trần Thị Mỹ: Thành viên
3. (Ông) Nguyễn Thanh Định: Thành viên

Trong năm 2022 Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với nội dung như sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc theo Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty.

- Kiểm soát báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; Kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động... của Công ty; Kiểm soát doanh thu, chi phí, việc sử dụng vốn có đúng mục đích và hiệu quả; Thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông.

Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã kiểm tra các văn bản nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị và điều hành Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương trong việc tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội đồng cổ đông. Trong quá trình kiểm tra, Ban kiểm soát đã tham gia đóng góp ý kiến với những nội dung về công tác sản xuất kinh doanh, công tác quản lý và một số công tác khác của Công ty.

Đối với cổ đông, ban Kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ công nhân viên trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

II. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD

1. Về thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2022

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2022, Công ty đã được thực hiện đầy đủ, rõ ràng, trung thực trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Khoản mục	Đvt	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện năm 2022	TH/KH (%)
1. Vốn điều lệ	Đồng	48.633.860.000	48.633.860.000	100,00
- Nhà nước (TCT)	“	31.612.010.000	31.612.010.000	100,00
- Cổ đông khác	“	17.021.850.000	17.021.850.000	100,00
2. Doanh thu	Đồng	250.800.000.000	266.920.509.170	106,43
3. Lợi nhuận trước thuế	Đồng	50.000.000	12.786.316.754	-
4. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	-	-	-
5. Trích lập các quỹ	Đồng	-	-	-
- Quỹ đầu tư phát triển	“	-	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	“	-	-	-
- Quỹ thưởng BĐH, CBQL	“	-	-	-
6. Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	-	-	-
7. DK thực hiện chia cổ tức	Đồng	-	-	-
- Nhà nước (TCT)	“	-	-	-
- Cổ đông khác	“	-	-	-
8. Giá trị GCCB	Đồng	81.500.000.000	76.885.406.285	94,34
9. Lao động bình quân	Người i	472	452	95,76
10. Thu nhập bình quân	Đ/Ng	9.406.000	11.131.257	118,34
11. Tỷ suất LNTT/VCSH	%	-0,1	0,32	-
12. Tỷ suất LNTT/DT	%	-0,01	0,05	-

2. Về kế hoạch các chỉ tiêu chủ yếu năm 2023

Khoản mục	Đvt	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	KH/TH (%)
1. Vốn điều lệ	Đồng	48.633.860.000	48.633.860.000	100,00
- Nhà nước (TCT)	“	31.612.010.000	31.612.010.000	100,00
- Cổ đông khác	“	17.021.850.000	17.021.850.000	100,00
2. Doanh thu	Đồng	266.920.509.170	325.000.000.000	121,76
3. Lợi nhuận trước thuế	Đồng	12.786.316.754	9.500.000.000	74,30
4. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	-	-	-
5. Trích lập các quỹ	Đồng	-	-	-
- Quỹ đầu tư phát triển	“	-	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	“	-	-	-
- Quỹ thưởng BĐH, CBQL	“	-	-	-
6. Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	-	-	-
7. Chia cổ tức	Đồng	-	-	-
- Nhà nước (TCT)	“	-	-	-
- Cổ đông khác	“	-	-	-
8. Giá trị GCCB	Đồng	76.885.406.285	84.758.000.000	110,23
9. Lao động bình quân	Người	452	446	98,67
10. Thu nhập bình quân	Đ/Ng	11.131.257	12.144.000	109,10
11. Tỷ suất LNTT/VCSH	%	0,32	19,0	-
12. Tỷ suất LNTT/DT	%	0,05	2,9	-

III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thẩm định báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hệ thống chứng từ kế toán, sổ sách kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định.

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Theo ý kiến của Kiểm toán viên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 28.1 tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022

Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2021
Tổng tài sản	131.045.726.893	91.149.550.563
A. Tài sản ngắn hạn	112.983.075.135	70.810.790.648
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.754.754.172	8.370.695.514
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	13.424.249.825	15.751.028.079
3. Hàng tồn kho	90.138.303.318	46.606.689.705
4. Tài sản ngắn hạn khác	1.665.767.820	82.377.350
B. Tài sản dài hạn	18.062.651.758	20.338.759.915
1. Các khoản phải thu dài hạn	10.000.000	10.000.000
2. Tài sản cố định	17.220.745.917	18.606.785.263
3. Tài sản dài hạn khác	831.905.841	1.721.974.652
Tổng nguồn vốn	131.045.726.893	91.149.550.563
A. Nợ phải trả	90.576.205.897	63.466.346.319
1. Nợ ngắn hạn	90.576.205.897	63.466.346.319
2. Nợ dài hạn	-	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	40.469.520.996	27.683.204.244

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính tại thời điểm 31/12/2022

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	31/12/2022	31/12/2021
1	Cơ cấu tài sản			
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	86,22	77,69
-	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	13,78	22,31
2	Cơ cấu nguồn vốn			
-	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	69,11	69,63
-	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	30,88	30,37
-	Nợ phải trả/Vốn CSH	Lần	2,24	2,29
3	Khả năng thanh toán			
-	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,25	0,38
-	Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1,25	1,12
4	Hiệu quả			
-	Tỷ suất LN trước thuế/Tổng TS	%	9,76	-14,95
-	Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu	%	4,79	-9,25
-	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn CSH	%	39,64	-30,46

IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

1. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Ban Giám đốc

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động quản trị và điều hành Công ty.

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các văn bản, nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, nêu rõ những khó khăn tác động, những kết quả đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề tồn tại cần khắc phục và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2023. Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc về các mặt của Công ty.

2. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022

Đôi diện với những khó khăn, thách thức từ đại dịch Covid-19, chiến tranh Nga – Ukraine kéo dài làm đứt gãy chuỗi cung ứng, lạm phát thế giới tăng cao. Năm 2022, là một năm khó khăn đối với các doanh nghiệp trong nước nói chung và công ty cổ phần 28.1 nói riêng. Vì thế, dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp thiếu hụt đơn hàng ngay từ đầu năm, thậm chí, chỉ nhận đơn hàng theo từng tháng, từng tuần. Nhận biết được điều này, Công ty đã luôn cố gắng đưa ra các kế hoạch sản xuất bằng cách xác định nguồn hàng từ các khách hàng truyền thống, ổn định sản xuất trong năm. Cùng với tình hình khó khăn về nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu nhưng công ty không ngừng tìm kiếm các nguồn hàng thay thế.

Năm 2022, Công ty đã cơ bản thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo kế hoạch mục tiêu đặt ra từ đầu năm. Trong năm 2022, mặc dù tình hình thế giới có nhiều biến động, có thời điểm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của công ty, tuy nhiên toàn thể cán bộ và người lao động của công ty đã có nhiều cố gắng nỗ lực, kết quả cuối năm Công ty đã thực hiện hoàn thành tất cả các chỉ tiêu theo kế hoạch, đảm bảo có lợi nhuận tốt. Tính đến ngày 31/12/2022, các chỉ số tài chính của Công ty cơ bản thể hiện được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn.

Công ty quản lý, theo dõi và phản ánh chính xác, kịp thời các khoản công nợ phải thu, phải trả chi tiết theo từng đối tượng, thời hạn nợ, tuổi nợ bình quân... đối với từng khách hàng.

Công ty đã thực hiện tốt nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước và BQP, đơn vị đang được cơ quan thuế kiểm tra quyết toán các loại thuế TNDN, TNCN, GTGT đến năm 2019.

Về kết quả thực hiện việc phân phối lợi nhuận: Công ty không thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Về kết quả thực hiện việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính: Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Về kết quả thực hiện việc chi trả thù lao cho HĐQT và BKS: Công ty đã thực hiện chi trả 50.580.000 đồng đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Về kết quả thực hiện việc đầu tư: trong năm 2022 Công ty đã thực hiện đầu tư MMTB, CCDC với giá trị 3.376.516.926 đồng.

Sau khi xem xét, thẩm tra, ban Kiểm soát hoàn toàn đồng ý với Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam; Ban kiểm soát Công ty nhất trí xác nhận số liệu tại Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Nhìn chung, năm 2022 Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cơ bản chấp hành nghiêm Điều lệ, quy chế đã ban hành; Các chính sách về quản lý tài chính, chế độ kế toán thống kê thực hiện theo đúng quy định; Có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, các phòng ban, phân xưởng đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, tình hình tài chính mất an toàn, vốn đầu tư của cổ đông không được bảo toàn.

3. Các hoạt động công tác khác

Các quy trình hoạt động của Công ty được đảm bảo và tuân thủ theo đúng pháp luật, các chế độ, quyền lợi của CBCNV được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cụ thể:

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy trình của Bộ Luật lao động.

- Thực hiện kiểm kê hàng hóa tồn kho theo định kỳ 1 năm 2 lần vào thời điểm 01/07 và 31/12. Công ty đã ban hành định mức hàng tồn kho, công tác quản trị hàng tồn kho tốt

- Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV ngoài việc thực hiện đúng Luật lao động còn có biện pháp theo dõi, sắp xếp lực lượng lao động trong Công ty phù hợp với sức khỏe của người lao động.

- Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng kịp thời đầy đủ. Ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, từ trần, ốm đau, bệnh tật, tai nạn lao động... được thực hiện kịp thời, đầy đủ, chính xác nhằm đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động, Công ty còn tổ chức tham quan học tập, nghỉ mát, phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao...

- Các tổ chức chính trị xã hội: Công tác Đảng, Công đoàn, đoàn Thanh niên đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện và thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật doanh nghiệp.

V. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2023 CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Stt	Nội dung kiểm soát	Thời gian thực hiện	Đơn vị phối hợp
1	Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính 3 tháng đầu năm năm 2023	T5/2023	P.TCKT – P.KH
2	Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm năm 2023	T8/2023	“
3	Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm năm 2023	T11/2023	“
4	Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo quyết toán tài chính năm 2023 trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập	T3/2024	“
5	Xem xét và thống nhất báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên	T3/2024	Các đơn vị trong Công ty
6	Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Đột xuất	HDQT
7	Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; Xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý	1 quý/1lần	HDQT - BGD
8	Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023	6 tháng/1lần	HDQT - BGD
9	Giám việc thực thi công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông	1 quý/1lần	P.TCKT – P.KH
10	Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát	Đột xuất	Các đơn vị trong Công ty

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất hiện đại và tính toán phương án sản xuất kinh doanh tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao; Đảm bảo các sản phẩm đạt chất lượng, đảm bảo kế hoạch giao hàng đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

- Không ngừng nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, đạt và vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh Đại hội đồng cổ đông giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông của Công ty.

- Duy trì thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác quản lý và thực hành tiết kiệm trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, đặc biệt chú trọng sử dụng triệt để nguyên phụ liệu tồn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát chi phí quản lý tại Công ty có hiệu quả.

- Thực hiện tuân thủ các thủ tục, quy trình về đầu tư, mua sắm tài sản theo quy định. Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị đúng theo kế hoạch để đáp ứng tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao năng suất.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất, đảm bảo đủ vốn, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ về quản trị Công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng Điều lệ Công ty và đúng pháp luật.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

- Nghiên cứu đưa ra chính sách và biện pháp phù hợp để tuyển dụng được lao động nhằm bổ sung nguồn lao động đang thiếu hụt năm 2023, rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn, đồng thời tinh giảm một số vị trí công tác dư thừa so với định biên.

- Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến chính sách tiền lương, tiền thưởng để động viên, khuyến khích người lao động làm việc với hiệu quả cao nhất.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban kiểm soát theo đúng quy định trên nguyên tắc phòng ngừa hạn chế sai sót trong mọi hoạt động của Công ty.

Trên đây là báo cáo của BKS, cuối cùng xin kính chúc quý vị đại biểu, quý vị cổ đông nhiều sức khỏe, thành công và hạnh phúc. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


Hoàng Mạnh Cường

C.TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY 28
CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 87 /BC-CTCP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc Báo cáo đầu tư năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần 28.1 sửa đổi, bổ sung lần 2 được thông qua ngày 21/5/2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần 28.1.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đầu tư năm 2022 như sau:

Năm 2022 Công ty Cổ phần 28.1 đã đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

Tổng giá trị đầu tư : **3.376.516.926 đồng.**

Trong đó:

- Đầu tư máy móc thiết bị : 3.172.813.222 đồng
- Đầu tư Phương tiện vận tải : 203.703.704 đồng

Kính mong Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
28.1
Nguyễn Trường Sơn

BÁO CÁO

Về việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022, Quyết toán quỹ thưởng HTKH, quỹ lương và thu nhập khác của BDH năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần 28.1

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần 28.1 sửa đổi, bổ sung lần 2 được thông qua ngày 21/5/2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 được thông qua ngày 29/4/2022.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông kết quả chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 và Quyết toán quỹ thưởng HTKH, quỹ lương và thu nhập khác của BDH năm 2022 như sau:

I. Thù lao

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 được thông qua ngày 29/4/2022, mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2022 được thông qua như sau:

1. Mức thù lao của HĐQT (03 người): 3.215.000 đồng/tháng

- Chủ tịch HĐQT (01 người) : 1.215.000 đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT (02 người) : 1.000.000 đồng/người/tháng

2. Mức thù lao của BKS (03 người) : 1.000.000 đồng/tháng

- Trưởng BKS (01 người) : 500.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS (02 người) : 250.000 đồng/người/tháng

Tổng cộng: 4.215.000 đồng/tháng, 50.580.000 đồng/năm.

Năm 2022, công ty có sự thay đổi về nhân sự. Từ tháng 01 đến 29/4 số thành viên HĐQT là 05 người, nhưng từ tháng 5 đến tháng 12/2022 số thành viên HĐQT là 03 người, nhưng Công ty chỉ trích chi phí thù lao cho 03 nhân sự theo Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ năm 2022 thông qua cụ thể như sau:

3. Kết quả thực hiện quỹ thù lao năm 2022:

- Quỹ thù lao năm 2021 chuyển sang : 0 đồng.
- Quỹ thù lao đã trích năm 2022 : 50.580.000 đồng.

- Quỹ thù lao đã nộp Tổng Công ty 28 năm 2022 : 14.580.000 đồng.
- Quỹ thù lao đã chi thực tế năm 2022 : 36.000.000 đồng.

(Theo QĐ 206/QĐ-CTCP ngày 31/12/2022)

- Quỹ thù lao còn lại chuyên sang năm 2022 : 0 đồng.

Chi phí thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát không tính trong đơn giá tiền lương năm của Công ty mà được hạch toán vào chi phí sản xuất của Công ty trong năm.

II. Quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị, ban Kiểm soát, ban quản lý điều hành

a) Đối tượng: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng, Phó phòng, Quản đốc, Phó Quản đốc, Trưởng ban Kiểm soát, thành viên BKS Công ty;

b) Mức thưởng: Năm 2022 mặc dù Công ty làm ăn đã có lãi nhưng vẫn phải bù lỗ cho giai đoạn 2020 - 2021 nên năm nay Công ty không chi thưởng.

III. Quyết toán quỹ lương và thu nhập khác của BDH năm 2022.

Đối với thành viên BDH làm việc theo chế độ chuyên trách, tiền lương và các chế độ khác thực hiện theo quy định hiện hành và quy chế tiền lương năm 2022 của Công ty.

Kết quả thực hiện quỹ lương và thu nhập khác của BDH năm 2022:

Quỹ lương và các khoản thu nhập khác của BDH được thể hiện trong báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán cụ thể như sau:

- Tổng quỹ lương đã trích năm 2022 theo PA: 805.049.377 đồng.
- Tổng quỹ lương thực tế chi trả năm 2022 : 805.049.377 đồng.
- Tổng các khoản thu nhập khác năm 2022 : 69.833.567 đồng.
- Tổng quỹ lương và thu nhập khác năm 2022: 874.882.944 đồng.
- Thu nhập bình quân năm 2022 : 24.302.304 đồng/người/tháng

Trên đây là kết quả thực hiện quỹ thù lao HĐQT/BKS, Quỹ thưởng HTKH, quỹ lương và thu nhập khác của BDH năm 2022. Kính mong Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TCKT.



Nguyễn Trường Sơn

Số: 86 /BC-CTCP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO
Về việc trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần 28.1 sửa đổi, bổ sung lần 2 được thông qua ngày 21/5/2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần 28.1.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2022 như sau:

1. Vốn điều lệ	: 48.633.860.000 đồng
- Vốn nhà nước	: 31.612.010.000 đồng
- Vốn cổ đông	: 17.021.850.000 đồng
2. Lợi nhuận trước thuế	: 12.786.316.752 đồng
3. Lợi nhuận sau thuế	: 12.786.316.752 đồng

Năm 2022 công ty đạt lợi nhuận trước thuế là 12.786.316.752 đồng. Nhưng do Công ty còn lỗ lũy kế đầu năm là 22.085.913.375 đồng, vì vậy Công ty thực hiện bù lỗ nên Công ty không thực hiện trích các quỹ và chia cổ tức cho năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trường Sơn